



9

RẪM THÁNG CHÍN ÁT 7Y 9-10-65
NĂM THỨ MƯỜI MỘT

NGUYỆT SAN

LIÊN-HOÀ



LIÊN-HOẠ

nguyệt - san

P.L. 2509 - RẪM THÁNG 9 NĂM ẤT-TY (9-10-1965)

TRONG SỐ NÀY:

Tất cả cho tình thương

Lý trí và đức tin

Chuỗi anh lạc

Kỷ niệm khánh đản Quán thế Âm Bồ tát

Khúc Hisoshina (thơ)

Tu học tại nông-thôn

Thư gửi chị

Thiên thủ Thiên nhân

Bên khu đất chùa

Quay phim thế sự

Ngọc Như-Ý (*chuyên đạo*)

Vườn thơ đạo lý

Hương đàm trong quần ngũ

Tin tức

Liên-Hoa

Thích-thiện-Châu

Thích nữ Thê-Quán

Hoài-Mai

Huyền-không

Vĩnh-Xuyên

Cầm-Thủy

Tĩnh-Như

Dương-trường-Giang

Ủy-Khanh

Quảng-Huệ

Nguyễn-Hạnh

Đức-Thương

CHỦ NHIỆM:
THÍCH ĐÔN - HẬU
QUẢN LÝ: THÍCH
NỮ DIỆU - KHÔNG

Thư từ bài vở bưu phiếu xin đề:

Thầy THÍCH ĐỨC - TÂM

Tổng thư-ký tòa-soạn

66 Chi-lông - Hộp thư 24, HUẾ

Giá báo một năm:

■ Trong tỉnh: 110\$00 — Ngoài tỉnh: 120\$00

■ Công sở và ngoại quốc 240\$00

TẮT CẢ CHO TÌNH THƯƠNG

Kỷ-niệm Khánh-đản Đức Quán-Thế-Âm

CHO đến bây giờ và cho đến cả sau này, giá trị căn bản của Phật-giáo vẫn không ngoài từ - bi và trí - tuệ. Dù xuất thế hay nhập thế, dù khếp mình trong tự viện hay đi vào cuộc đời, nếu vượt khỏi từ bi và trí tuệ, chắc chắn Phật-Giáo sẽ không còn giữ nguyên bản sắc được nữa,

Thảm trạng của cuộc chiến tranh bi đát hiện nay đưa dân tộc vào nỗi khổ đau trầm trọng, không cho phép người Phật tử bỏ quên sứ nhiệm khẩn cấp đầu tiên của mình: đó là sứ mệnh cống hiến tất cả cho «tình thương». Sứ nhiệm đó cũng là giảng-mối đề thống nhất ý chí của mọi tầng lớp giáo phái và của quảng đại quần chúng. Rời tình thương ra hoặc đẩy lui tình thương ra sau hậu trường của nền đạo học Phật Giáo, chúng ta tự mình phân hóa lấy mình và sẽ ngăn cách nhau qua những quan điểm dị biệt.

Lúc này chính là lúc cần phải gầy dựng và khơi động lại nguồn sinh-lực thuần túy của Phật-Giáo, nguồn sinh lực đã đem lại cho nhân loại và nhất là dân tộc một nếp sống từ-hòa dưng liệt qua bao nhiêu thế 'kỷ. Nguồn sinh lực đó, vượt lên trên mọi tư kiến chính trị, mọi nhận thức chủ quan, mọi quan điểm dị đồng về giáo chế cũng như giáo hệ, là mục tiêu thống nhất cho mọi đường lối hoạt động Phật-Giáo. Nguồn sinh lực đó chính là khả năng Hòa Ái, là diệu dụng Từ bi, đã thuần-hóa mọi cuồng-động đẫm máu của dân tộc trong quá khứ và chắc chắn sẽ rất cần thiết trong việc thuần hóa bạo lực của con người hôm nay và ngày mai để thiết lập một xã hội bình an và hạnh phúc.

Cho nên, lúc này cũng chính là lúc cần phải dẹp bỏ mọi tư kiến cá nhân, mọi thái độ bất đồng, mọi hoạt động

dị biệt đề hoà đồng và nhất trí chung trong công việc bảo vệ sinh lực của Phật Giáo cũng như dân tộc. Lúc này hơn lúc nào hết, cũng chính là lúc cần phải gạt bỏ địa vị, danh lợi, gạt bỏ mọi đố kỵ, mọi thái độ tự tôn, tự ty, mọi hình thái tranh chấp tư tưởng đề cùng nhau dẫn thân vào nỗi đau khổ của cuộc đời.

Lý tưởng đặt quá xa, thường không đạt được tầm tay với. Trái lại giai đoạn hóa tôn giáo một khi quá khích sẽ bỏ quên đặc chất thiêng liêng thường tại. Bây giờ không phải lúc dồn mọi năng lực tinh thần vào công việc suy niệm siêu hình, thoát ly cuộc sống, trong khi quanh ta tràn đầy tiếng khóc. Nhưng cũng không phải là lúc đi vào cuộc đời nặng màu thế tục bằng những lối nhìn cục bộ, chia rẽ, phân ly; không phải là lúc đem thí nghiệm những phương tiện, những sách lược chủ quan với tấm lòng tự tin quá khích.

Xã hội chúng ta bây giờ đã ghê sợ sự rối loạn, sự vọng động lắm rồi. Xã hội chúng ta bây giờ cũng ghê sợ luôn sự rờn rợn bình yên của những liều thuốc phiện bí quan yếm thế.

Khát vọng khẩn thiết của xã hội hôm nay là an-lạc, là xóa bỏ khổ đau. Nhưng trái tim của Quán-thế-Âm Bồ-tát hôm nay cần phải thị hiện. Đây chính là lúc vận động và vận dụng mọi hình-thái phát triển tình thương đến cùng tận đề gây nên một sức mạnh vô úy chống lại cuồng vọng của bạo lực. Một khi tình thương đã trở thành sông biển, một khi ý chí thể hiện tình thương đã trở thành gió bão, thì mọi thành trì bạo lực sẽ dần dần sụp đổ.

Kỷ niệm Khánh đản Quán-Thế-Âm Bồ-tát, chúng ta hãy cầu nguyện cho hàng ngũ chúng ta đứng mãnh trọng sứ mạng phát huy chánh pháp, và xin hiến mình cho lý tưởng từ-bi, một lý tưởng dũng-liệt, trói buộc chúng ta thành một khối, vượt lên trên tất cả mâu thuẫn, đối lập của tư-kiến cá nhân, vượt lên trên mọi nhỏ nhen thường tình đề khơi động cho đồng bào dân tộc một nguồn sinh lực mới, một cảnh thanh bình an lạc cho xứ sở.

LIÊN-HOÀ

LÝ TRÍ và ĐỨC TIN

THÍCH-THIỆN-CHÂU

Hiện nay, ngoài một số Phật-tử giữ được sự quân-bình giữa đức tin và lý trí, phần đông đang có sự thiên lệch về đức tin hoặc lý trí. Đối với Phật-Pháp, những người có nhiều đức tin phần đông là những người có tuổi tác. Họ thờ Phật với quan niệm đức Phật là đấng «trên đầu trên cổ», xem giáo pháp của Ngài là «khuôn vàng thước ngọc» chỉ cần tin và làm theo là có phước. Trái lại, thế-hệ trẻ, nhất là những người có tân học, phần đông thiên về lý trí; đối với họ, đức Phật là một nhà tư tưởng, đạo lý của Ngài là một triết-hệ như bao nhiêu triết-hệ khác. Họ hoài nghi, thắc mắc với bất cứ đạo lý nào trong Phật-giáo.

Chỉ tin tưởng mà không phán đoán hay ham phán đoán mà thiếu tin-tưởng, cả hai thái độ ấy đều đáng chê trách vì chúng không hợp với lẽ TRUNG-ĐẠO.

Căn cứ vào kinh-diễn thì đức tin là một nhân tố mà chúng ta cần có đủ để đạt Đạo. Song đức tin của Phật-tử (saddhà) không phải là lòng tin-ngưỡng mù quáng, càng chạ mà người có nó rất có thể trở nên cuồng tín. Phật-tử không thể giác ngộ giải thoát bằng cách hiến dâng lên đức Phật một lòng tin tha thiết. Vì đức Phật là một đấng Đạo-Sư (maggadesako) mà không phải là một vị thần linh. Đạo lý nhân quả dạy chúng ta phải tự mưu cầu hạnh phúc và giải thoát bằng cách sống đúng theo chánh đạo. Lẽ dĩ nhiên, học trò bao giờ cũng phải tin tưởng

vào thầy và sách, song Thầy và sách không làm gì khác hơn là chỉ giảng giải những điều mới lạ. Với sự hướng dẫn của thầy và sách, người học phải tự mình tìm hiểu và thấu hiểu lấy kiến thức cho mình. Cũng như thế, muốn được giác ngộ, giải thoát, Phật-tử phải tự tu tự chứng. Trong vấn đề tu chứng sự hiểu biết đúng đắn về giáo-pháp — chánh kiến — thật là quan trọng. Chánh kiến đúng vào hàng đầu trong bát chánh đạo, trong « Thất bồ đề phần », trạch-pháp (lựa chọn chánh pháp) cũng đứng vào hàng đầu. Có đức tin mà thiếu chánh-kiến chúng ta có thể trở thành một « tìn đồ tốt » nhưng không thể trở thành một Phật-tử chơn chánh vì Phật-tử có nghĩa là con của đấng giác ngộ.

Tôi nhớ cách đây năm năm, trên chuyến xe lửa Phan-thiết — Nha-trang, trong khi đàm đạo với một vị tu sĩ khác Đạo và sau khi được nghe nhiều câu chuyện quá thần bí, tôi đã nói với người: « Làm sao mình có thể tin được những chuyện như thế, trong thế kỷ 20 này ». Vị tu sĩ ấy bảo tôi: « Thì Thầy cứ nhắm mắt mà tin rồi Thầy sẽ tin được ». Tôi hiểu vị tu sĩ ấy khuyên tôi nên áp dụng phương pháp gây lòng tin của Pascal nhưng tôi thấy phương pháp ấy không thích hợp với Phật tử nên đã trả lời: « Thưa Ngài, chắc tôi không thể nào gây lòng tin theo lối ấy được vì tôi đã quen với phương pháp của đức Phật là « mở mắt thấy rõ rồi tin » (1).

Ngay đối với Phật-Pháp cũng phải dùng lý trí phán đoán trước khi tin. Vì « tin Phật mà không hiểu Phật, tức là phỉ báng Phật ». Để nói rõ sự tai hại của lòng tin thiếu lý đoán, Pháp Sư Thái Hư có kể một câu chuyện như sau:

« Có một người niệm Phật rất tinh tấn, mỗi ngày hằng

(1) Đại ý của một đoạn trong kinh Kālāmas

trăm chuỗi. Song anh ta chẳng hiểu gì về Đức Phật và ý nghĩa của sự niệm Phật. Một hôm, trong khi anh ta đang thành khẩn niệm Phật trước bàn Phật, một người bạn thân của anh đến thăm nhưng đứng ngoài ngõ và kêu to tên họ của anh một cách dồn dập. Anh ta nổi tức nhưng cố nhẫn rồi không nhẫn được nữa, anh ta quăng chuỗi, chạy ra và quát rằng:

«Bác không biết tôi đang niệm Phật sao?! Kêu chi mà kêu dữ dữ rứa?».

Người bạn liền trấn tĩnh:

«Đó! Tôi mới kêu tên họ bác chưa được 10 lần mà bác đã nổi giận dùm dùm. Còn bác, bác kêu tên Phật ngày nay qua tháng nọ làm rãng mà Ngài không giận bác cho được?»

Người niệm Phật tinh tấn liền vào lạy Phật sám hối và từ đó về sau anh ta không dám niệm Phật nữa.»

Thật là ngớ ngẩn cho người niệm Phật trong chuyện. Vì Phật thì bao giờ có giận ai và niệm Phật đâu có nghĩa kêu tên Phật. Đây! lòng tin thiếu lý đoán không những không giúp chúng ta thâm hoạch công đức mà nhiều khi chính nó làm tiêu mất đức-tin của chúng ta một cách oan uổng.

Phật (Buddha) có nghĩa là giác ngộ. Giáo pháp của Ngài chỉ người có trí mới hiểu thấu (vinnuhi veditabbo). Con đường đi đến giác ngộ là con đường giới, định và tuệ. Giới luật, thiền định chỉ là những phương tiện giúp người tu hành khai sáng trí tuệ. Vì thế muốn đạt Đạo, chúng ta phải vận dụng khả năng của lý trí trong việc quan sát sự vật và thực nghiệm tâm linh.

Nhưng chúng ta đừng nên quên rằng từ lâu bị bụi vô minh, thành kiến bao phủ; do đó khả năng thấy biết của chúng ta rất hạn cuộc. Đó là chưa nói

đến sự sai lầm, hư hỏng của nó do ngoại đạo, tà thuyết gây nên. Vì thế trong bước đầu trên đường tìm hiểu chọn lý, chúng ta phải nương cậy vào lời dạy của các bậc giác ngộ. Kinh nghiệm cho thấy, đối với Phật-pháp, chúng ta có thể hiểu được một phần nào những đạo lý vô thường, vô ngã, nhân quả, nhân duyên v.v. . bằng cách quan sát các hiện tượng hoặc suy đoán qua những thí dụ cụ thể. Nhưng đối với những đạo lý quá ư cao sâu mầu nhiệm, vượt ngoài khả năng hiểu biết của « thường nhân » như luân hồi, niết bàn, chân như v.v... thì chúng ta không thể hiểu ngay được với chữ nghĩa què quặt và trí óc nghèo nàn.

Theo thiền ý, mỗi khi gặp những đạo lý khó hiểu, chúng ta, nếu cố gắng mà vẫn chưa hiểu rõ, đừng vội bỏ qua hoặc phê bình mà hãy đặt lòng tin vào Phật-pháp vì nghĩ rằng đối với chân lý, chúng ta chẳng khác gì cậu học trò đệ thất đối với những công thức khoa học của nhà bác học Albert Einstein. Sự giải thích rành mạch của giáo sư chỉ là sự giới thiệu vấn đề cho chúng ta mà thôi. Thời gian và thực nghiệm rất cần cho sự hiểu biết trở nên sự thông ngộ cũng như tháng ngày và sức nóng mặt trời cần có cho trái cây được chín. Lại nữa, chúng ta cũng như người đau mắt lâu ngày, nhờ thuốc hay mà được mở mắt trong chốc lát nhưng mắt vẫn chưa đủ sức để thấu nhận đầy đủ ánh sáng và trông rõ sự vật; phải mở mắt lâu lâu và tập nhìn cho quen mắt mới trông rõ sự vật được.

Nghi ngờ, thắc mắc là những động cơ tốt giúp chúng ta đi sâu vào chọn lý. Song « quá nghi ngờ » và ham thắc

mắc, nhất là lòng muốn thỏa mãn tính hiếu kỳ trong giấy lát, là những chướng ngại vật trên đường tìm Đạo. Cũng như kẻ lữ hành đứng giữa ngã ba trong rừng núi, lúc tối trời, nghi hoặc không biết đi theo đường nào. Nếu may mắn gặp được người tốt chỉ dẫn thì nên mạnh bước lên đường, đừng mãi nghi ngờ, đứng hoài một chỗ đề rồi phải chết vì nghi ngờ, chúng ta nghi ngờ đề mà tiến-thủ chứ không phải đề mà chết trong dốt nát.

Hơn nữa, chúng ta cần phải hạn định vấn đề trong khi tìm Đạo. Chính đức Phật không muốn cho đệ tử của Ngài lãng phí năng lực và thì giờ trong những trò lý luận — lý luận đề mà lý luận chứ không phải đề cho giải thoát, giác ngộ. Một đệ tử hỏi một vị Thuyền sư rằng: — « Đạo là gì ? » Thuyền sư trả lời: « Cứ đi đi ».

Tôi còn nhớ trong thời gian theo học năm thứ nhất ban trung học Phật học tại Phật học đường Báo-Quốc, vì mang nặng thành kiến tất cả sự vật nào cũng phải có nguyên nhân đầu tiên của nó, chúng tôi đã đặt ra nhiều câu hỏi hết sức ngây ngô, kỳ quặc và đã không chịu thỏa mãn với những câu trả lời hợp lý về đạo lý nghiệp cảm duyên khởi, A-la-gia duyên khởi, chân-như duyên khởi v.v... Thái độ không thỏa mãn và hần-học của chúng tôi lúc bấy giờ đã làm phiền lòng giáo sư cũng như các bạn đồng học không ít. Nhưng thật là kỳ lạ, sau đó vài năm, khi đã thấm nhuần kinh điển và có ít nhiều suy tư, những thắc mắc cứ tự nhiên biến đi đâu mất. Tôi mắc cỡ ghê khi nhớ tới « thái độ vô-lý » của tôi lúc bấy giờ, nhất là gần đây khi được đọc câu chuyện sau đây của Ngài Buddhaghosa :

« Có một con heo được chủ tắm rửa sạch sẽ, thoa dầu thơm cùng mình, đeo vòng hoa lên cổ và đem lên cho nằm trên một cái giường êm ái, trắng đẹp. Song nó chỉ nằm đầu được vài phút rồi nhảy tụt xuống đất chun đầu vào chuồng cũ, thích thú tắm mình với nước thúi phần hôi... » Con heo ấy, Ngài Buddhaghosa ví với người sống trong si mê, thành kiến lâu đời nên dù được giảng dạy cho chọn lý cao siêu vẫn không muốn đón nhận; thoảng hoặc có đón nhận rồi cũng thích trở lại sống với nếp cũ thấp hèn của mình.

Thế mới biết, với lý trí yếu ớt, chúng ta, trong bước đầu, khó mà lãnh hội được lời dạy của bậc Thánh nhân. Do đó, trong lúc này đức tin là điều cần thiết. Đức tin thúc đẩy chúng ta bắt tay vào thực nghiệm. Thực nghiệm bổ trợ cho lý giải. Lý giải hướng dẫn thực nghiệm. Vì thế Ngài Long-Thọ (Nāgajurna) đã nói: Lên núi đầy vật báu, nếu không tày thì chẳng lấy được gì, cũng vậy, gặp được chánh pháp nếu không có đức tin thì rất cực chẳng được lấy một tí nào công đức ». Và một trong mười danh hiệu của đức Phật là Minh-Hạnh Túc (vijjācarana sampanno), đáng hoàn toàn cả hiểu biết và thực hành.

Tóm lại, sự quân bình giữa lý trí và đức tin là điều cần phải có nơi người Phật tử chọn chánh. Lý trí soi sáng cho đức tin, đức tin xây dựng cho lý trí. Chim mà gãy một cánh thì không còn bay về đâu được; cũng như vậy người học đạo, nếu thiếu một trong hai điều lý trí hoặc đức tin cũng không thể nào đạt Đạo được.

Chuỗi anh-lạc



Kính dâng

Mẹ hiền Quán-Âm

THÍCH - NỮ THỀ - QUÁN

BA Lợi là người con trai rất chí hiếu, nội trong thôn xóm anh ở ai cũng mến thương. Mồ côi cha ngay khi còn nhỏ, lớn lên anh lại theo nghiệp của phụ thân làm nghề hàng hải, là một nghề nhiều nguy hiểm hơn an toàn. Nên mỗi lần ra đi, anh từ giả mẹ già thì mẹ anh không lần nào quên dặn con phải luôn luôn chí tâm kêu cầu Bồ-tát Quán thế Âm. Lần này bà đeo vào cổ cho con một tượng Bồ-tát bằng ngà và cũng dặn con lúc nào gặp nguy hiểm thì phải niệm Ngai cho chí thiết.

Quả nhiên chuyến đi này thuyền anh bị lạc hướng bởi một cơn gió dữ thịnh-linh.

Trong thuyền 8, 9 người chơi vui giữa biển khơi đã hai ngày, nguy ngập nhất là khát nước. Giữa biển mênh mông chỉ trời với nước, thế mà trong thuyền lại khát nước đến gần nguy. Anh bình tĩnh bảo cả thuyền đều phải nhất tâm kêu cầu Bồ-tát Quán thế Âm cứu khổ cứu nạn cho, thì may đâu từ xa xa có một chiếc thuyền đang hướng về thuyền anh chèo đến. Khi hai thuyền xấp nhau anh hỏi xin nước uống. Người thuyền chủ đưa cả hũ nước ngọt cho thuyền anh. Uống xong anh hết sức cảm tạ. Người thuyền chủ hỏi anh, nước ở biển nhiều hay ở hũ nhiều?

Anh đáp: nước trong hồ nhiều, vì nước biển tuy nhiều song không thể uống được, nước ở hồ ít nhưng cứu được sự khát ngặc cho người thì phước đức vô lượng.

Thuyền chủ tán thán câu trả lời lý thú của anh, rồi tặng cho anh một chuỗi ngọc châu quý giá và bảo: Ta thưởng cho người con chí hiếu. Nói xong thì không thấy thuyền và người đâu cả. Những người cùng thuyền anh rất cảm động và tin tưởng mãnh liệt vào sự linh ứng của Bồ tát Quán thế Âm.

Về nhà, anh thuật chuyện cho mẹ nghe, và dâng chuỗi ngọc châu cho mẹ.

Thân mẫu anh bảo: chuỗi hạt châu này là của vô giá, con nên đem dâng vua, đừng bán.

Vâng lời mẹ, Ba Lợi đem dâng vua.

Vua Ba Tư Nặc được chuỗi ngọc châu quý giá rất mừng, tạ anh nhiều vàng ngọc khác.

Cách mấy hôm sau vua liền triệu tập các cung phi đến, ý vua nghĩ: để ta xem trong số cung nhưn người nào đẹp nhất hôm ấy ta sẽ thưởng.

Mấy nghìn cung phi nghe vua đòi, ai nấy đều lo sửa soạn trang sức cực kỳ lộng lẫy.

Thoạt nhìn, không thấy Mạc Lợi phu nhưn, (1) Ba Tư Nặc liền hỏi: sao không thấy đệ nhất phu nhưn?

Các cung phi thưa:

Hôm nay là ngày rằm, ngày của phu nhân thọ giới « bát quan trai », nên không đến được.

Vua có ý giận, hỏi:

(1) Mạc Lợi phu nhưn là vợ chính thức, vì Ba Tư Nặc là vua chư hầu nên vợ chính chỉ gọi phu nhưn chứ không được gọi hoàng-hậu.

Thọ bát quan trai mà dám trái ý trăm ư?

Vua cho đòi 3 phen. Mạc Lợi phu nhơn sợ, phải đến yết kiến. Song vì trong ngày trai giới nên nàng không trang điểm gì cả, và chỉ mặc một thứ hoại sắc.

Nhưng nhờ nghiêm trì tịnh giới nên phu nhân có một nhan sắc thanh khiết tỏa ra sáng chói như muôn ánh nhật nguyệt. Khi phu nhân vừa bước vào chánh điện thì có hào quang tỏa khắp hoàng cung. Thoạt thấy, vua rất ngạc-nhiên và sanh tâm ái kính bội phần.

Vua hỏi: Ái Khanh nhờ oai đức gì mà hôm nay sắc đẹp lộng lẫy bội phần?

Phu nhân thưa: Thiếp tự tui mình bặt phước lại sanh làm thân nữ nghèo hèn (2) may nhờ ơn trạch của đại vương nên thiếp được dự phần sang quý. Nhưng thiếp nghĩ: thân mạng vô thường dù cho hoàng hậu vương phi, châu

ngọc đầy mình rồi cũng có ngày già, xấu, lại thêm bệnh hoạn theo liền, khi chết lại bị nghiệp ác dắt dẫn đi vào con đường tội lỗi, vì vậy, thiếp vâng theo lời Phật dạy mỗi tháng thọ trì bát quan trai giới trong các ngày trai tiết, thiếp nguyện đem công đức ấy để hồi hướng cho nước nhà thanh trị muôn dân an lạc, và khi xả báo thân thiếp khỏi bị cái nghiệp phú quý mà sa đọa.

Vua nghe, rất cảm kích và khen ngợi, liền đem chuỗi anh lạc tặng cho phu nhân.

Mạc Lợi phu nhân từ chối không nhận mà nhường lại cho các cung phi.

Vua đáp: Từ hôm được ngọc, trăm đã định hôm nay vẫn tập tất cả các cung phi

(2) Mạc Lợi phu nhân xuất thân hạ tiện, nhờ sắc đẹp khuynh thành đã tiến cử nàng từ thân tỳ nữ lên đến đệ nhất phu-nhân.

xem ai đẹp nhất thì trăm thưởng. Nay thấy Ái khanh, nhân sắc thù thắng hơn các cung phi, thật hiệp ý trăm nên trăm chỉ để tặng Ái khanh.

Phu nhân thưa : Thiếp nay thọ trì giới cấm của Phật giữ mình thanh tịnh nên không ưa trang sức những thứ xa hoa, đây là các nhân gây ra tham lam tội lỗi. Vậy nay thiếp có ý kiến là đại vương nên đem chuỗi ngọc dâng lên đức Thế Tôn nhân dịp được lãnh lời giáo hóa của đức Từ phụ để về bổ túc thêm cho việc an dân thì phước đức vô lượng.

Vua rất hoan hỷ liền sắc nghiêm sức xe giá, vua cùng Mạc Lợi phu nhân và cả cung phi đồng đến yết kiến Như Lai. Hôm ấy là ngày rằm, ngày chúng tăng thuyết giới vừa xong, vua vào bái yết đức Thế Tôn rồi đem dâng chuỗi anh lạc lên đức Phật, và bạch cùng đức Phật về việc trì

giới không thọ chuỗi anh lạc của Mạc Lợi.

Đức Thế Tôn hoan hỷ đoan nạp (3) liền thuyết bài kệ rằng :

Người đời ưa trang sức

Cho ngọc châu là quý

Người cầu đạo giải thoát

Lấy giới luật làm hơn

Dù ngọc ngà châu báu

Cùng các thứ hoa thơm

Không sao bằng giới luật

Có năng lực đưa người

Đến tận bờ ly dục

Trường từ ba cõi khổ

Quyết định được an lạc

Phỏng-dịch trong Đại-tạng

3) Đức Phật là đệ nhất phước điền (làm ruộng phước để cho chúng sanh gieo công đức vào) nên ai cúng gì đức Phật cũng không từ chối, dù một chuỗi ngọc quý giá của vua chúa cũng như một nắm đất của em bé nghèo hèn.

Kỷ-niệm Khánh-đản

Quán-Thế-Âm Bồ-Tát

HOÀI-MAI

Bồ-tát Quán-thế-Âm là một vị cổ Phật, Ngài hiện thân của Từ-bi thị hiện hạnh Bồ-tát.

Về một quá khứ xa xăm, Quán-thế-Âm Bồ tát là một vị thái tử tên là Bất-Huyền con vua Vô-tránh-Niệm. Thời ấy có Đức Phật ra đời tên là Bảo-tạng Như-lai.

Vua Vô-tránh-Niệm rất sùng bái đạo Phật, nhà vua khuyên các quan văn võ và các bậc vương hầu sùng bái đạo Từ-bi. Thái-tử Bất Huyền theo lời khuyên của một vị đại thần tên là Bảo-hải đến trước đức Phật Bảo tạng, phát lời thệ nguyện như sau :

« Con nguyện xin trong lúc Tu hạnh tự lợi, lợi tha, nếu nghe có chúng sinh nào lâm vào tai nạn không thể tự cứu được niệm đến danh hiệu con, con sẽ đủ sức thần thông đến cứu độ ngay. Nếu lời nguyện ấy không thành, con sẽ không chứng quả bồ-đề »

Đức Bảo-tạng Như-lai thọ ký cho thái tử và nói rằng :
« Do người quan sát chúng sinh trong vô số thế giới đều vì tội nghiệp mà phải chịu quả báo đau khổ, nên người phát bi tâm, Người lại quan sát nghe được tiếng kêu cầu đau khổ của thế gian để đến cứu nên ta thọ ký cho người hiệu là « Quán-thế-Âm. » Người sẽ giáo hóa cho vô lượng chúng sanh thoát khỏi khổ não... »

Đức Quán-thế-âm thề nguyện luôn luôn cứu chúng sinh ra khỏi bảy nạn : thủy ách, hỏa tai, gió bão, đao kiếm, oán giặc, lao tù và ác quỷ. Ngài còn hiện ba mươi hai ứng thân và có mười

chín lối thuyết pháp để diệt tham, sân, si. Tất cả hạnh nguyện của Ngài đều phát sinh ở lòng từ-bi. Ngài hiện thân giáo hóa khắp mười phương thế giới tùy trường hợp và căn cơ khác nhau, nên phương tiện cứu độ của Ngài thật là vô lượng.



Trong đời sống hàng ngày của chúng ta Đức Từ-bi không thể thiếu được. Ai sống theo Đức Từ-bi sẽ diệt được lòng tham lam vị kỷ, ưa làm những việc bổ thí, vị tha, không hờn giận mà còn gây được niềm an vui cho tất cả mọi người, gieo thiện cảm khắp cả mọi nơi. Đức Từ-bi mở rộng và giải thoát cho tâm hồn chúng ta. Chúng ta hằng say làm việc nghĩa, làm điều thiện, càng hy sinh cái ta nhỏ hẹp càng thấy mở rộng cái « đại ngã » vô cùng.

Khi chúng ta bước chân vào cửa chùa, tự nhiên chúng ta cảm thấy những nỗi buồn lo, oán giận lắng xuống, lòng tin tưởng tôn kính vọt lên. Có « cái gì » vô hình nó an ủi ta, cảm hóa ta, khiến cho thân tâm ta được an lạc. « Cái gì » vô hình ấy phải chăng là Đức Từ-bi vô thượng của chư Phật, nguồn cảm ứng của đức Quán-thế-Âm.

Ở thời bình, đức Từ-bi cần cho đời sống tâm linh của chúng ta cũng như không khí, ánh sáng và nước cần cho đời sống vật chất; nhưng trong thời chiến tranh loạn lạc này, nếu thiếu đức Từ-bi thì làm sao « tự cứu lấy mình » để có điều kiện cứu vớt đồng bào trong cảnh thống khổ chết chóc vì thiên tai nhân họa. Tôi nói « Tự cứu lấy mình » vì có giải thoát được bản thân, diệt trừ được lòng tham sân, ngu muội mới mong ra đảm đương và làm tròn những công tác xã hội, những việc từ thiện nó đòi hỏi nhiều đức Nhân nại, vị tha.

Chính vì thiếu đức Từ-bi mà trong thời nạn lụt vừa qua có nhiều nơi thực phẩm, thuốc men, quần áo chứa chất đầy kho mà ở thôn quê nạn nhân vẫn bị ma bệnh và ma đói rét lòi đi không ngớt và trăm nghìn bắt công khổ sở khắp các phương trời đều do thiếu đức Từ-bi.

Lấy Đức Từ-bi mà đối xử với người thì bao giờ chúng ta cũng tiếp nhận lòng từ-bi của người đối với ta rõ ràng như bóng theo hình và tiếng vang ứng theo tiếng động.

Đức Quán-thế-Âm đã chứng được « Chân tâm thường trú » nên có ai chuyên tâm tụng niệm danh hiệu Ngài thì đức từ bi của Ngài cũng giao cảm với đức tính từ-bi của người ấy.

Khi chúng ta giữ được cõi lòng yên tĩnh để tâm niệm danh hiệu Ngài thì ánh Từ-quang của Ngài sẽ chiếu vào lòng chúng ta, không khác nào khi bể lặng hồ thanh thì ánh nhật tinh sẽ rọi vào lòng hồ bể.

Lòng Từ-bi của Đức Quán-thế-Âm không bỏ rơi ai, nhưng nếu lòng ta còn giao động không tin tưởng thì cũng như mặt hồ vẫn đục, bể cả dậy cuồng ba, làm sao chiếu bầu trời xanh quang đấng?

Phần đông chúng sinh không tự biết mình, Phật tánh, là chân thân, là chân ngã của mình, lại xem thân « ngũ uẩn » bất tịnh này là thật, là bản ngã. Đức Quán-thế-Âm dạy cho chúng sinh thân tâm hiện sống đây là giả dối, là vô thường, là vô ngã, cái bản thể sáng suốt thanh tịnh của vũ trụ, gọi là Phật tánh chung của muôn loài, phát xuất nơi trí huệ giác ngộ của con người mới thật là chân thân, chân ngã.

Bồ-tát Quán-thế-Âm là hiện thân của chân lý, của đại bi bình đẳng. chúng ta xưng niệm danh hiệu Ngài để tiếp đón ánh từ quang của Ngài rọi vào lòng chúng ta. Trước ánh sáng ấy lòng tham hận sẽ tiêu tan, ngục vô minh sẽ phá vỡ. tụng niệm danh hiệu của Ngài cũng là một phương pháp để khai thác những năng lực tiềm tàng trong thâm tâm chúng ta để sống một cuộc đời sâu rộng, đậm đà. Sống với chân lý giác ngộ và từ bi, còn nếp sống nào cao đẹp và phong phú hơn nữa.

khúc HIROSHIMA

« Watasitachi wa wasurete wa ikenai
« Senkuhyayonzyugo nen hatigatsu no asa no koto o... »

Hai mươi năm qua
hai mươi năm qua rồi Hiroshima
hôm nay tôi đến đây bỗng trào dâng lệ nóng
thì gian không cắt nghĩa tình người
tôi xót xa vì đau thương còn bỗng nóng
như hôm qua như bây giờ như hiện tại ngồi đây
đêm nay người xưa có về với
để cùng nhau tâm sự chuyện hòa bình

Hiroshima ơi
tôi ngồi khóc đêm nay giữa trời
trong vườn hòa bình nhân loại
nghe niềm đau thương
từ hai mươi năm trước
8 giờ sáng ngày mùng 6 tháng 8 năm 1945
khi trái bom nguyên tử đầu tiên rơi xuống thành phố này
sức phóng xạ biến Hiroshima thành tro bụi
sáng ấy nơi đây là máu xương chảy nát
là lửa cháy

là nhà cửa điêu tàn
thân thể người cong queo và biến thành hình ảnh in vào vách
ôi! cuộc đời vô nghĩa tang hoang

Tôi đến đây từ Việt-nam đau thương
cũng hai mươi năm rồi khỏi lửa
nhân dân bị giết chết hàng ngày
máu với nước mắt chảy hoài thường nhật
nên tôi dễ dàng thông cảm Hiroshima
thì gian qua
hôm nay Hiroshima sống lại
vết thương đau đớn kín trong lòng
nhưng đất nước tôi vẫn còn đau khổ
đến bây giờ giải quyết chưa xong

Như một kẻ hành hương
đêm nay tôi cầu nguyện rất lâu trước đài kỷ niệm
lòng quặn đau nhìn thế kỷ hai mươi
qua hành động văn minh tàn khốc
Hiroshima ơi
hãy đem thương yêu bọc đùm nhân loại
thế giới là công viên hòa bình
và nước mắt của tôi đêm nay là hoa-màu-vĩnh-viễn

Hiroshima, Giũa Công-Viên Hòa-Bình — 1965

HUYỀN-KHÔNG

TU HỌC

tại nông thôn

VĨNH-XUYEN

Không phải theo trào lưu mà vấn đề bây giờ mới đặt ra. Sự thật, từ trước, ngay trong những giờ phút khó khăn nhất của đạo giáo vấn đề đã được nêu ra và tìm cách giải quyết bởi đạo tâm nồng nhiệt của đồng bào, và những sinh hoạt Phật giáo vẫn được thực hiện và tiến triển phần nào ở các nông thôn. Sở dĩ trở lại vấn đề, không những vì tầm quan trọng thường xuyên của nó, mà vì sau cơn pháp nạn có những yếu tố mới làm cho các tín đồ thôn quê gia tăng thêm nhiều do đó nhu cầu sinh hoạt càng gia tăng theo, mặt khác, tình hình chiến tranh đang ở trong giai đoạn quyết liệt thì lại làm cho vấn đề tu học ở thôn xóm càng thêm khó khăn, đáng được chú tâm đặc biệt.

Trước hết, ta công nhận trong hiện tình, Phật tử (tu sĩ và cư-sĩ) tại các đô thị cần phải đóng vai điều dắt, hướng dẫn và hậu thuẫn đồng bào Phật tử ở thôn quê trong việc tu học và các phật sự khác, là vì tại thôn quê chưa có thời giờ đào tạo đủ những Phật tử đầy đủ khả năng để chu toàn mọi việc. Do thế, muốn cải tiến sự tu học ở hương thôn cho hữu hiệu, thì đồng thời, phải cải tiến và kiện toàn những Phật tử tại đô thị về mọi phương diện để thêm điều kiện giúp đỡ cho Phật tử thôn quê, và để làm cho Phật tử thôn quê tín nhiệm và phần khởi

hơn để tự mình tiến bộ. Những Phật tử đô-thị có đặc trách hỗ trợ các Phật tử đồng quê học tập về chủ trương đường lối và kế hoạch chương trình, và phải được chọn lọc trong số những người có tác phong và căn bản đạo pháp vững chắc.

Vì hoàn cảnh thôn quê hiện tại gặp hồi nhiều nhưng tao loạn, thiếu cảnh giới thanh tịnh để thanh tịnh tu học, nhưng không vì thế mà có thể xao lãng tu học. Tuy nhiên chúng ta chỉ có thể đề ra một chương trình tu học tối thiểu phù hợp với hoàn cảnh. Chương trình tu học sẽ nhẹ nhàng và nhằm xây dựng căn bản một người Phật-tử đứng đắn đủ sức tránh ô nhiễm để hành thiện lợi tha. Chương trình tu học đó cần phải nặng về thực hành hơn lý thuyết đáp ứng được những thực tế của hoàn cảnh. Là vì người nông dân, bầm tánh chất phác, và thực tế, họ không ham thảo luận gì về lý thuyết, họ chỉ cần thấy những kết quả cụ thể là như thế nào, để tin hay là không tin, mà khi họ đã tin được rồi trước những bằng chứng của tình thương xây dựng thì họ sẽ là những người tiên phong can đảm nhất để nhận lãnh lấy sứ mệnh Phật hóa, mà không hề so đo tính toán. Đó là một khía cạnh tâm lý quan trọng mà ta phải đi sâu vào, phải thông hiểu, mới có thể thúc đẩy được phong trào tu học thôn xã có kết quả. Nói vậy, nghĩa là phải hướng sự tu học về một tiêu chuẩn: VUI VỚI ĐẠO, làm cho mọi người có khả năng và cơ hội bộc lộ và biểu dương được tình thương của mỗi người đang hướng về Đức Phật, mà tình thương đó là một nguồn sống trong GIỚI ĐỊNH HUỆ, thể nhập hẳn vào giới bằng những hành động, tùy duyên ứng khởi lợi tha thực sự và cụ thể. Sự tu học đó cũng phải nhằm vào tiêu chuẩn phá bỏ mọi sự trước tướng, mọi sự viển vông trừu tượng, để đưa ra một lối sống, một lẽ

sống mới của tình-thương, trong tình tương thân tương trợ, đào tạo những con người biết yêu thương nhau, để rồi chính mình đem tình thương đó gieo rắc khắp nơi. Trong phần thực hành, phải đề cao và tổ chức hợp lý các công tác cứu tế xã hội từ thiện, có chương trình và kế hoạch thường xuyên, có sự theo dõi, đôn đốc, kiểm soát, và tổng kết thành tích, lấy những công tác đó làm những bằng cứ để gây tín nhiệm, để làm cho tình thương được hiểu và mến phục, và nhờ vậy mà tinh thần tu học mới được gián tiếp nuôi dưỡng và phát huy. Các Phật tử thôn quê nên kết hợp thành từng nhóm « Hưởng thiện » để giúp ích và cứu khổ cứu nạn đem vui và an ủi cho mọi người. Chính những nhóm này, sẽ hậu thuẫn cho các chương trình tu học, các sự quy y hồi hướng được thành tựu, và hừng khởi, phá tan mọi sự ngờ vực, bi quan, thì tiếng nói của Phật pháp mới lọt được vào tai những người đã bị lừa dối quá nhiều.

Công tác tương thân tương trợ và từ thiện quan trọng cho sự tu học và hoằng pháp là như thế, nhưng tại thôn quê lắm khi cũng đã gặp nhiều trở lực do sự hiểu lầm hay thành kiến của một số cấp bộ chánh quyền, hoặc một số những thành phần nhân vật chế độ cũ cường hào ác bá đang tìm cách xuyên tạc, phao vu, chụp mũ.

Vì vậy, cần đặt vấn đề từ thiện để tu học một cách khôn ngoan, thực tế, sáng suốt để khỏi ai xuyên tạc hay lợi dụng.

Trong lúc này, trong quảng đại quần chúng không thể nào tác-động tu học được, nếu không lấy tư cách mỗi cá nhân và việc làm lợi tha để chứng minh cho lý thuyết. Tư cách con người không ra gì, việc làm không có gì thiết thực, thì đừng

trông mong ai nghe mình mà tu học. Vì mọi người hiểu rằng Tu học không phải là một sự dại dột để cho kẻ khác lừa dối mình, tu học chỉ có thể là lợi kỷ lợi tha có thể xác nhận như là một thực thể vậy, thì tín tâm mới có, và những người có trách nhiệm diu dắt Phật-tử càng nên thận trọng hơn, theo sát thực trạng tâm lý xã hội; mới thành tựu viên mãn được nhiệm vụ cao cả của mình, trước những biến chuyển không ngừng của hoàn cảnh và đối tượng.

Ngoài những nét phát họa trên cho sự tu học nông thôn, ta cũng cần thêm rằng muốn cho chương trình kế hoạch của ta sau này được hiệu quả, cần phải kiện toàn ngay từ bây giờ các nhân-vật lãnh đạo trong các Giáo hội Phật giáo ở thôn quê. Có người đã phàn nàn hữu-lý rằng một số ác ôn của chế độ cũ, một số các phần tử đảng phái, hay một số người hủ hóa bê bối đã tìm cách len lỏi vào cấp lãnh đạo một số Khuôn hội, để mưu toan dùng đó làm hậu thuẫn cho những mục đích mờ ám của họ, lái Khuôn hội theo ý riêng của họ, làm tê liệt các hoạt động chân chính của Phật-giáo, mà người dân quê, đứng trước các thế lực, đầu dảm hé miệng chỉ trích hay phản đối? Hãy loại những kẻ ấy ra khỏi thành phần lãnh đạo Khuôn, bỏ ngoài tai những lời mê hoặc dùa nịnh, và trực tiếp điều tra dân chúng thì mới thấy rõ được những ông « mai phục » đó, Chùng nào còn có các ông ấy đóng vai Phật-tử thuần thành tí tẻ « đạo lý », chùng ấy vấn đề tu học ở thôn quê hãy còn tê liệt...

Lâu nay không những trong đạo Phật mà ở ngoài cũng vậy, những danh từ hoa mỹ đã bị lợi dụng triệt để và đã dùng gần trọn hết, nhưng lại hoàn là con số KHÔNG to tướng, không làm được gì cả, mà còn có khi tác hại là khác nữa. Đưa người dân đến chỗ ngờ vực, muốn tin lắm mà thực tế lại

không cho phép tin. Nhiệm vụ của ta, trong chương trình tu học Phật pháp từ thành đến quê, phải qui hoàn lòng tin tưởng lại cho đồng bào.

Trong đạo Phật, thường có một câu đáng chiêm nghiệm và thực hành, đó là câu « Tự thân tác chứng », tự mình làm một sự chứng minh rõ rệt, chúng ta phải tự mình làm một chứng minh cho tiếng nói Từ-Bi, tiếng nói của chư Phật. Châm ngôn của gia đình Phật-tử cũng có câu « Lý thuyết trong thực hành » đó là một cách chứng minh người chân chính Phật-tử chỉ muốn sống với một chân lý sống, chứ không muốn sống với một chân lý chết. Đức Phật đã nêu cao một bài học không lời vô cùng cao cả. Suốt cuộc đời của Ngài, Ngài đã luôn luôn tự thân tác chứng, đã luôn luôn lý thuyết trong thực hành: Ngài đã xuất gia, khổ hạnh, để rồi khi thành đạo xong cứu thế độ sanh, cứu khổ cứu nạn từ một con chim sẻ đến một con cừu con, đến thân hành tắm rửa cho thầy Tỳ-kheo ghê lở ..., để thương yêu và làm cho mọi người tin được rằng Tình Thương sẽ giải phóng đau khổ.

Kỳ vọng trong cao trào tu học và gieo rắc lòng thương, các bạn Thanh niên nam nữ sẽ đóng một vai trò hữu hiệu và quyết định thành công. Các bạn sẽ là những sứ giả của Tình Thương, các bạn hào hùng đã sẵn một lý tưởng đẹp đẽ tuyệt vời, các bạn chỉ cần bắt đầu ngay cho để chứng minh sự hiện hữu lợi tha của những « niên tráng lực cường » những tinh hoa của đất nước và đạo pháp. Những tín hữu khác sẵn sàng tiếp tay các bạn trong nhiệm vụ thiêng liêng trên, hạng tuổi nào cũng có ích cả kể cả ông già bà lão và trẻ con, xin các thanh niên tin cho điều đó, để quyết tâm và vững chí dẫn bước trên những con đường về nẻo Tình Thương.

Thư gửi chị

Chị M. Đ. thân kính.

Lâu lắm rồi em không biên thư thăm chị, chiều nay nhận được cánh thư của chị từ bên kia chân trời gửi đến lòng em chợt sáng khuâng... nao nao buồn...

— « *Cảm ời! Bé Cảm ời! Tokyo sương mờ và tuyết phủ buồn và nhớ Quê mẹ vô cùng. Em của chị đang làm gì? ở đâu? — và cuộc sống ra sao? »*

— *Chị, Bé Cảm của chị vẫn ngồi đây, ngồi đây giữa giòng đời xuôi ngược, không làm gì được cho em và cho những kẻ xung quanh. Em ngồi đây trong vết thương đau nhức mỗi mòn của đất nước, rồi phải làm gì đây hở chị? Khi em viết thư này gửi chị, xung quanh em tiếng súng tứ bề dội buốt. Trên đầu em máy bay không ngớt đảo liệng. Chợ Đông-Ba chiều nay cũng thưa thớt người đi. Từ dưới Ngã Làng Văn-Thé, Diên-Đại người và người bồng bế nhau đi tản cư lũ lượt, em bé bụng ông da vàng lóc thóc níu áo mẹ, Bà lão già nua cong lưng lần từng bước trong cảnh lửa đạn ngút ngàn. Năm cơm bữa chiều dùng lại bên vĩa hè Vỹ-Dạ bé biết cả bùn đất, trông sao mà đời đoạn quá!*

Quê hương của mình chừ đây là thế! Suốt cả ngày tiếng động cơ của máy bay át cả tiếng động sinh hoạt của phố phường. Tiếng bom rơi, đạn nổ xé nát cả trời xanh. Những đứa con gái tuổi đời chưa thắm mái tóc, đã bị thổi

bạt ra khỏi lũy tre đồng áng, vát thân vào đời để đổi lấy miếng cơm manh áo một cách (...!...) chua xót. Những người anh, người bạn những người trai của xứ sở ngã gục mà lòng đất không đủ vùi lấp thân thể. Còn em, em đang ngồi đây, ngồi đây với một tâm trạng bơ vơ... trông Quê hương rách nát, thương thân, thương đời và thương tất cả, nhưng biết làm sao hả chị? — Để em kể chị nghe. Sáng hôm qua, chính mới sáng hôm qua mà thôi. Một người bạn gái cùng nghề với em, mà đã là cùng nghề với em thì không phải là người tương trợ cho chiến tranh nữa đâu chị nhé! Thế mà người bạn ấy thân xác đã nát bấy như tương bởi mảnh bom trên đường gánh hàng đi bán. Chiến tranh, chiến tranh có buông tha ai đâu hả chị?

Buồn đau rưng rức... Em hỏi trời cao. « Mạnh đất Việt Nam vì đâu dấy máu? » Trời cao chỉ trả lời em bằng những trận cuồng phong. Em hỏi Đức Phật, Đức Phật chỉ im lặng mỉm cười.

Chị ơi! Chị ơi! có ai hỏi giùm em ông Tây, ông Tàu, ông Nga, ông Mỹ không hả chị.

Chợ chiều lấm rồi. Em đừng viết ở đây để thu dọn hàng hóa đã chị nghe. Hứa sẽ gặp chị tối nay ở lòng thư chấp nối.

Bây giờ là đã 11 giờ đêm, trời có đầy trăng sao. Em ngồi im lặng trong trăng sáng mênh mông... lắng nghe tiếng chuông chùa thanh thân buông rơi... im lặng!... và trên tất cả sự im lặng của miền an tịnh, êm ả trọn vẹn giọng chuông khuya ngọt ngào như giòng mật chảy qua buồng tim mạch máu, đều đặn xuống triền đời như thì thầm kể-lẽ, dồn dập như biển sóng đại hùng. Chuông vẫn chậm chậm buông rơi, ánh sáng của trời mây trăng sao đã xua bớt bóng tối thân. Từ trong cái sâu cùng của tiềm thức, em bỗng như người sực tỉnh. Em khe reo lên, buông bút đứng dậy Em

đến trước bàn Phật, quỳ xuống dưới chân Ngài ngược mắt trông lên. Em nhìn thật lâu vào bàn tay Cam Lộ Vương của Ngài, Em quán thật sâu vào đôi mắt của Ngài. Em uống thật cạn nụ cười im lặng của Ngài, lòng em mát rười rượi. Tự nhiên em cũng mỉm cười. Trên cao Đức Phật mỉm cười nụ cười an hòa chuyển đến em — đến với mọi người như tràn chuỗi lưu luân. Rồi mọi người sẽ nhìn nhau nở nụ cười tràn đầy thương yêu tin tưởng trong tiếng chuông khoan nhặt đêm về. Và chị ơi! Biết đâu! biết đâu một ngày kia cái ông Tây, ông Mỹ, ông Tàu, ông Nga ấy cũng sẽ nghe chuông lặng diệu và hòa đồng với chúng ta trong một nụ cười đầy an bình phải không chị?

Thư em viết dài lắm rồi, chị đừng trách bé Cẩm sao mà đa ngôn lắm thế! Em dặn chị lại cả một trăm lần dặn: Đừng trách em mà tội chị nghe. Bất chước Thầy Nhất-hạnh, trước khi đi ngủ em xin nguyện bằng cả tâm hồn mong cho Bờ câu trắng bay đầy trong sáng mai.

Gửi đến chị và cả xú Phù Tang sương mờ niềm tin yêu bất tận của một đứa em.

Mong thư chị.

Bến-ngư ngày 9-1955
CẨM-THỦY

Giữ Thơm Quê Mẹ

NGUYỆT SAN PHÁT HUY VĂN NGHỆ DÂN TỘC

Phát hành mỗi đầu tháng

L Á - B Ó I Xuất Bản

THIÊN-THỦ THIÊN-NHÂN ★

TINH-NHU

TRONG các hình tượng của đức Quán thế Âm, có một hình tượng thường gây được sự chú ý của người chiêm ngưỡng: Đó là hình tượng của vị Bồ Tát có đủ một nghìn cánh tay chứa đựng một nghìn con mắt.

Mỗi khi con người đã dung hợp với thực tại rộng lớn, tâm với cảnh đã kết hợp làm một, thì không còn giới hạn đời sống bằng các giác quan, bằng tay hay bằng mắt, bằng tim hay bằng óc nữa. Người đó đã tháo gỡ sự mê vọng giữa tri giác và đối tượng, giữa chủ thể và khách thể, và chỉ còn là hiện thân của thực tại toàn bộ mà thôi. Người đó không những chỉ có thiên thủ thiên nhãn, nghìn tay nghìn mắt mà thôi, kể thực tại rộng lớn vô lượng vô biên, thì tay mắt cũng vô cùng vô tận. Người đó chính là thực tại. Thực tại đo được, đếm được thì tay mắt đo được đếm được. Thực tại hữu hạn thì tay mắt hữu hạn: thực tại vô cùng thì tay mắt cũng vô cùng.

Nghìn tay và nghìn mắt chỉ là những số lượng biểu tượng, hàm chứa những giá trị biểu tượng: Tay biểu hiệu cho năng lực, cho hành động, cho công nghiệp, cho sự phát động của lòng Từ Bi rộng lớn. Tay là hình ảnh của mọi xoa dịu, mọi cứu giúp, hình ảnh của kẻ đứng liệt đi vào cuộc đời đầy bi thương và khổ lụy. Mắt tượng trưng cho sự quan sát, khả năng hiện lượng, cho đường lối nhận thức, cho Tri-Tuệ vô song. Mắt là thái-độ thấu suốt cuộc đời, chứng nhập thực tại để thuần hóa thực tại, tay

vô-công dụng, vô phân biệt mà vẫn đầy đủ diệu dụng hóa độ kẻ khác. Tay đó, mắt đó chính là ý nghĩa của Bi và Trí. Nghìn tay nghìn mắt chính là diệu dụng vô lượng của Bi Trí vậy.



Nỗi đau khổ của chúng ta hôm nay là Tay Mắt không phải biểu hiện cho Bi Trí mà là biểu hiện cho tham vọng ngu si. Nhận thức thì cục bộ, chủ quan, phiến diện; hành động thì cuồng vọng, xuẩn động, hận thù. Suy niệm trong những lối mòn của tư tưởng, ngục tạo cuộc sống trong những lớp vỏ hình thức, chúng ta tự làm mờ mòn sinh-lực đạo pháp của chúng ta.

Cuộc sống của chúng ta hôm nay, quả thật KHỔ ĐỂ đang xoi mòn tận xương tủy. Chấm dứt đau khổ, tiến đến ĐẠO ĐỂ chính là sứ nhiệm cấp bách của chúng ta.

Chúng ta mỗi người chỉ có hai tay với hai mắt. Nhưng chừng đó cũng đủ, nếu Tay Mắt đều do Bi Trí hiện hình. Mỗi người chỉ có hai tay hai mắt, nhưng với mấy mươi triệu người, chúng ta sẽ kết-hợp với nhau trong một đại ngã có bao nhiêu là triệu tay triệu mắt.

Tay đó không phải cầm dao cầm súng. Mắt đó không phải bốc lửa hận thù. Mắt chỉ cần đề nhìn nhau thương yêu và tay chỉ cần đưa ra đời nắm.

Hãy cố gắng tất cả cho tình thương. Hãy sáng suốt nhận chân được thực trạng đau khổ. Hãy đem lại *Thiên thù Thiên nhơn* cho cuộc đời đầy máu và đầy lệ này.

*Via Quan thế Âm.
tháng chín Ất Tỵ.*

BÊN KHU

ĐẤT CHÙA

của **DƯƠNG-TRƯỜNG-GIANG**



THẸO đường quốc lộ, từ Huế về Phú-bàì, qua khỏi trạm kiểm soát An-cựu, phong cảnh hai bên đường đổi khác hẳn. Phía dưới đường lộ, cánh đồng bát ngát xanh đến tận những hàng tre xa tít mù.

Bên trên đường, những đồi nhỏ thoi thỏi, cần cỗi, làm địa thế cho mấy đồn binh mái tôn hay những lô cốt xi măng đen thui thối.

Cách chợ An-cựu chừng ba cây số, vừa qua khỏi trạm phát thanh mới thiết lập, với những hàng rào thép gai dày lớp lớp, với dãy đèn pha chói sáng cả ban ngày, sẽ đến một thôn ấp nhỏ của Giã lê thương. Từ đây, băng qua đường xe lửa, theo một con đường làng khá rộng thì đến một ngôi chùa Sư nữ xưa nhất của Thừa-thiên, chùa Diệu-viên.

Chiếc cầu xi măng vừa mới đúc xong, bắc ngang qua con suối nhỏ.

Qua khỏi cầu là đến địa phận chùa, gồm trọn cả một ngọn đồi con.

Chùa lập nên từ năm Bảo Đại đệ tam (1923) Sư bà Trù trì hiện nay, pháp danh là Thích nữ Hượng Đạo.

Hôm chúng tôi về thăm chùa, Sư-bà đi vắng nên chúng tôi không được hân hạnh hầu chuyện. Sư cô Trị sự tiếp chuyện và vui vẻ dẫn chúng tôi đi xem các cơ sở từ thiện và xã hội của chùa.

Chúng tôi được biết là cũng như phần đông các chùa, chùa Diệu viên là một chùa nghèo. Ruộng đất của chùa ở xa, giao cho nông dân canh. Đến mùa, họ cúng nạp cho chùa tùy hỉ, có lúa, có khoai, có cả sắn. Cho nên các Sư-cô phải lo kể tự-túc bằng tiểu công nghệ.

Nhà làm bánh gồm có nhiều phòng khá rộng ở phía sau chùa. Có hai thứ bánh: thứ bánh in tròn hình nổi hoa sen, và thứ bánh in vuông nhưn bí đao chay. Các cô chia phiên nhau. Mỗi buổi sáng có 8 người phụ trách, vừa cả in, vừa gói thành phong.

Các cô làm đều tay lắm. Mỗi lần chiếc khuôn cắt lên là thêm một chiếc bánh sắp vào chiếc sè tròn một cách thứ lớp. Khi chiếc sè vừa sắp trọn vẹn là đủ số hai trăm cho một người buổi sáng. Các Cô vừa làm vừa đọc kinh, có lẽ là một đoạn kinh vừa mới học chiều hôm qua, trong khi ở bàn bên kia, một cô đang hát bài « Mẹ hiền Quan Âm » với giọng thiết tha thật hay.

Sư cô Trị-sự giải thích.

— Đây là một phương tiện để tự túc. Hàng ngày có thể sản xuất độ 1500 đến 2000 cái. Có những người quen từ các chợ lên đây đếm bánh về bán lại. Tỉnh thoảng, chúng tôi cho xe chở giao hàng tận ngoài Quảng trị.

Và, về một phương diện khác, chúng tôi muốn được thấy sự đóng góp của người xuất gia vào đời sống kinh tế nước nhà. Vả lại, đây cũng là cách bố trí để mỗi người trong chùa đều có công việc làm thích hợp vào buổi sáng. Buổi chiều, chúng tôi dành trọn vẹn cho việc học tập kinh điển.

Khi ở nhà làm bánh ra, Sư cô dẫn chúng tôi đi xem trường mẫu giáo và trường sơ học.

Trường mẫu giáo ở ven sườn đồi bên trái của chùa. Một phòng khá dài, chia làm hai lớp đầu lưng với nhau. Những chiếc bàn thấp xếp ngay ngắn, ghế ngồi riêng cho mỗi em, có dựa và sơn toàn màu xanh. Bên tường phía đông có đặt một hàng phản gỗ, sát vào tường, dùng làm chỗ các em nghỉ trưa.

Dưới rừng thông bên cạnh trường là vườn chơi trẻ em, có ghế đu, có chỗ trượt. Tất cả đều tí hon, xinh xinh, gọi lên được đầy đủ lòng thương lo của các người « mẹ hiền » đối với các em nhi đồng trong hoàn cảnh đặc biệt của một lớp mẫu giáo ở thôn quê.

Chúng tôi về chùa trong ngày chủ nhật nên không được xem sinh hoạt của trường. Tuy nhiên, nhìn cơ sở hiện có bằng cứ vào số học sinh mỗi năm một đông, chúng tôi đoán biết lòng tin nhiệm của phụ huynh đối với sự giáo dục của chùa.

Một văn phòng đang xây cất thêm. Đứng ở đây, Sư cô chỉ tay về phía dưới dốc, nói với chúng tôi:

« Chúng tôi đang mở rộng con đường này để xe buýt có thể chạy thẳng lên đây. Những ngày mưa, xe có thể dừng lại ngay trước hiên trường để các em ra vào khỏi ướt át ».

Rồi Sư cô dẫn chúng tôi đi theo con đường mới này để xuống thẳng cổng chùa. Con đường đất sỏi, bắc quanh theo sườn đồi, chạy men theo rừng thông, trông thật đẹp. Sau này, các em nhi đồng ngồi trên xe chạy theo đường này có thể tưởng chừng như đang chạy ở một khúc quanh nào của đèo Hải-vân.

Người phát họa ra họa đồ khai thông con đường xinh đẹp này chẳng phải là kỹ sư công chánh, đó là sáng kiến của một Sư cô. Đáng phục thay! Làm con đường này chẳng phải

có máy móc quy-mô, đó là công của đồng bào địa phương với cuốc, với trục, với đôi vai.

Bên ngoài cổng chùa là dãy trường sơ học hai lớp do hạ; Sư cô phụ trách. Học trò độ non 100 em, con em của đồng bào trong xóm. Lúc đầu, chùa định lấy học phí đa thiểu để đài thọ chi phí văn phòng nhưng sau, thấy phụ huynh đều nghèo nàn nên chùa miễn phí cả.

Từ cổng chùa, theo chân Sư cô, chúng tôi đến thăm bệnh xá.

Hôm nay có y-tá ở trên phố về khám bệnh. Đồng bào đến ghi tên và ngồi chờ bên ngoài khá đông. Đủ hạng tuổi. Có nhiều người ở cách hàng 10 cây số cũng lặn lội lên đây. Ở địa-phương họ cũng có bệnh xá của chính phủ nhưng theo chỗ chúng tôi được biết thì những bệnh xá ấy đến ngày thứ tư hàng tuần là hết ráo thuốc men.

Trong lúc chờ đợi giờ khám bệnh, các Sư cô lo chữa trị những bệnh cũ. Ở phòng chích thuốc, một Sư cô y-tá đang chích cho một cụ già. Cô đẩy thuốc thật chậm, cẩn thận đến hai phút đồng hồ mới xong, trái hẳn với lối chính thần tốc của y-tá bệnh viện công. Trong khi đó, ở phía hiên sau, một cô đang rửa mụt lở sau gót chân một cậu bé. Cậu bé cắn răng chịu đau trong khi Sư cô vừa làm, vừa dỗ dành.

Sắp đến giờ khám bệnh. Anh y-tá về khám hôm nay là Y-tá trưởng phòng mắt ở bệnh viện thị xã. Anh cho chúng biết là các y-tá Phật-tử tình nguyện tham gia công tác xã-hội ước độ 20 người. Vào ngày chúa nhật mỗi tuần, anh em phân công nhau đi khám bệnh ở các bệnh xá Từ-đàm, Hồng-ân, Diệu-viên v.v

Trước khi anh bắt tay vào việc khám bệnh cho đồng bào, chúng tôi đặt một câu hỏi cấp tốc:

— Anh có thể tổng kết cho biết những bệnh thường.

của đồng bào địa phương là những bệnh nào? và kết quả trị liệu của chúng ta ra sao?

— Những bệnh thông thường ở đây là những bệnh ngoài da, bệnh do ăn uống không đầy đủ, thiếu sinh tố nghĩa là bệnh của những người nghèo. Chúng tôi cũng thường cùng với các Sư cô y tá kiểm điểm kết quả của sự trị liệu. Rất tốt, không phải do chúng tôi tài giỏi, không phải do chúng ta có thuốc thần. Ấy là do đồng bào mình ít khi được dùng thuốc nên hệ dùnq đến là có hiệu quả ngay. Cũng như người nghèo ăn được bữa cơm trắng thì khen ngon hết sức. Về một phương diện nào, ngẫm nghĩ lại, chúng ta càng thấy xót xa cho đời sống của dân quê mình.

Mười giờ. Bắt đầu khám bệnh. Sư cô y tá gọi tên từng người đang đứng chờ chậ cả cửa trước...

Trong lúc mọi người ở đây bận rộn với công việc, Sư cô Trị sự đưa chúng tôi đi bằng ngõ sau để về chùa. Đi ngang qua một căn phòng đang cất dở dang, Sư cô nói với chúng tôi:

« Chúng tôi định làm thêm một phòng nữa, nhưng ngang đây thì hết tiền, đành phải ngừng lại.

Rồi chỉ lại nhà bệnh xá, Sư cô nói thêm:

— Đến như bệnh xá này, từ hơn 5 năm rồi mà vẫn cứ còn phải lợp tranh. Thuốc men ở đây, chính phủ cung cấp chỉ một số ít. Chúng tôi phải gởi mua ở một hiệu thuốc Tây ở Sai-gon với giá ủng hộ, nghĩa là được trừ nửa tiền. Mỗi tháng chùa phải cung cấp thêm cho bệnh xá 5 ngàn đồng; số tiền ấy đối với chúng tôi quả thật là lớn lao.

Rồi bệnh xá, Sư cô đưa chúng tôi đến thăm nhà dưỡng lão. Đây là một nhà nhỏ, thấp, lợp tôn, nối tiếp theo phòng ngủ của Ni-chúng trong chùa. Nếu không được biết trước thì chẳng thể nào chúng tôi phân biệt được cơ sở từ thiện này.

Hiện có 8 bà cụ được cấp dưỡng, người lớn tuổi nhất đã ngoài tám mươi. Mỗi cụ bà có giường và tủ riêng. Có người ở Quảng-ngãi, có người quê ở Bắc.

Chắc có một duyên nợ tiền kiếp nào nên xa xôi như thế lúc tuổi già lại cùng gặp nhau ở đây, trong cửa Phật.

Chúng tôi xin phép được hỏi thăm riêng các bà cụ. Chúng tôi đến cạnh bên giường một cụ đang ốm. Bà cụ nằm trong mùng nói chuyện với chúng tôi. Cụ ốm xoàng thôi, tai nghe còn rõ nên chúng tôi hầu chuyện với cụ một cách dễ dàng lắm. Cụ cho chúng tôi biết là cụ di cư từ Bắc vào sau hiệp định Giơ-neo cùng với một người cháu.

-- Cháu nó dạy học. Lúc đầu làm việc tại Sài gòn, sau đổi ra Huế. Và chính trong chuyến đi này, tôi được quen với chùa. Tôi về ở đây đã hơn hai năm rồi, từ ngày cháu tôi đổi đi nơi khác.

— Bà con thân thích của cụ hiện nay có ai không ?

— Trong Nam này, tôi chỉ có mỗi một đứa cháu kêu bằng dì ấy thôi. Ngoài Bắc, bà con ruột thịt cũng chẳng còn ai. Chúng tôi không có con cái, tuy rằng họ hàng thì còn khá đông.

Cụ dừng lại một chập như nhớ nhưng đến những hình ảnh quen thuộc xa xôi nào rồi nói tiếp :

— Ở Hà nội, chúng tôi cũng còn một ít nhà cửa đất đai. Trước đây có lúc cũng mong rằng một ngày kia được về quê hương xứ sở. Nhưng từ ngày vào chùa đây, tôi nghĩ như đã có chỗ nương thân vĩnh viễn rồi, ở đâu cũng là cửa Phật cả mà.

Bên một phòng khác, một bà cụ đang ngồi vắn các giải giấy màu để gói bánh. Chúng tôi hỏi thăm về sinh hoạt hàng ngày. Bà cụ nói :

— Chúng tôi không bắt buộc làm gì cả. Làm mấy việc nhẹ này cho khuấy khòa. Tuổi già cũng chẳng còn muốn trò chuyện. Cơm nước xong chúng tôi đóng cửa phòng lại, ai lên giường nấy. Tuổi già cũng chẳng ngủ sớm được. Chúng tôi nằm nghe kinh, lẩn tránh hạt và niệm Phật cho tới khuya.

Rồi bà cụ cho chúng tôi xem mấy chuỗi hạt mà khách viếng chùa đã tặng cho.

— Sinh hoạt ở đây so với hồi còn ở nhà, cụ thấy thế nào ?

— Bây giờ tôi chẳng còn muốn so sánh gì nữa. Ngày xưa thích muốn bao nhiêu chuyện thì bây giờ, gần đất xa trời, xả bỏ gần hết. Chỉ còn có bệnh ăn trầu cứ lặn bặn vương vãi, chưa bỏ được đây.

Bà cụ vẫn giữ điềm nhiên như không mà nói tiếp :

— Cho đến một ngày nào đó, chết đi, chúng tôi gửi cốt nhục vào mảnh đất sau chùa, lòng nguyện được sanh về Tây phương Phật.

Một bà cụ bên cạnh tiếp lời :

— Hồi còn con gái, tôi gánh một gánh gạo chạy thẳng một hơi đến chợ mà không thấy mệt, thế mà bây giờ thì chẳng còn sức nhắc nổi gàu nước giếng. Cái thân con người, ai cũng thế, rồi đến lúc phải rã rời. Cái nỗi khổ ấy, đến tuổi già nua này mới thấy. Chẳng trách mà người mình cứ mãi tranh giành, bán giết nhau.

Bà cụ nghĩ một chập, chúng tôi cũng yên lặng tưởng như bà muốn nhấn trách những kẻ hậu siuh như mình. Rồi bà cụ nói tiếp :

— Chúng tôi chỉ muốn cho con cháu mình được sống sung sướng. Lứa tuổi này đã khổ sở lắm rồi, bây giờ thì coi cái chết như một giấc ngủ dài.

Chúng tôi không ngờ đến đây nghe mấy bà cụ già nói những tư tưởng thâm sâu như những triết gia như thế. Riêng tôi, không biết những kinh điển họ đã được học hoặc đã được nghe đến trình độ nào, nhưng tôi thoáng thấy họ là những người sung sướng. Rồi tôi nghĩ đến những người bà con của tôi. Tôi nghĩ đến một bà dì tám mươi hai tuổi, ở giúp

việc cho cậu tôi, cái thân già yếu-đuối còn phải lo bấp núc suốt ngày để đổi lấy miếng cơm, miếng trầu. Tôi nghĩ đến một bà mẹ già sống với một người con giàu có được cung phụng đầy đủ thể mà suốt ngày vẫn gay gắt la mắng đầy tớ, trách con trai là chỉ nghĩ đến vợ nó mà bỏ quên mình

Dù nghèo túng hay dù được đầy đủ về vật chất, tuổi già kém mắt, nặng tai, lẩm cẩm, thường tự coi là phiền muộn trong gia đình. Rồi những người khác trong nhà cũng nghĩ như thế.

Còn ngoài xã hội thì họ lại càng bị bỏ quên. Có những vấn đề thời đại quá to tát mà Bộ Xã hội còn chưa để tâm đến thì còn nói gì lo đến những người già cả. Vả lại cuộc chiến tranh hiện tại đã huy động để mà đốt cháy tất cả tiềm lực quốc gia. Xe tăng, súng cối, đại bác mới đánh bại được đối phương. Thành ra người ta sẵn sàng ghi vào ngân sách quốc gia mục chi tiêu cho hàng ngàn tấn bom, hàng triệu viên đạn đại bác mà không nghĩ rằng, đừng kể đến những sự tàn phá kinh khủng, số tiền của chỉ một viên đại bác có thể dùng để nuôi được hai vị lão thành trong suốt một năm trời. (Mỗi người trong nhà dưỡng lão chỉ ăn tiêu hết 200\$ mỗi tháng).

Từ nhà dưỡng lão, Sư cô Trí sự đưa chúng tôi trở lại nhà khách. Chúng tôi tỏ lời vô cùng tán thán công tác từ thiện và xã hội mà chúng tôi được trực tiếp thăm viếng và ao ước rằng mỗi cảnh chùa của chúng ta là một trung tâm từ thiện và xã hội.

Sư cô trả lời:

— Chúng tôi cố gắng trong mức tối đa của mình để góp một phần nhỏ mà xoa dịu những đau thương của đồng bào, những đau thương vô cùng lớn lao do chiến tranh, do thiên tai, do nghèo đói, do nát gãy ra. Tuy nhiên...

Sư cô ngừng lại và chúng tôi tự nhiên thông cảm với nỗi băn khoăn của vị sư cô đầy tâm huyết và đủ tài tổ chức này. Sư cô kết luận:

— Vết thương đau ở nước ta không thể hàn gắn trong một ngày hai ngày, mà phải nhiều năm tháng, không phải ở một vài cơ sở mà phải phát triển khắp mọi nơi. Cho nên vấn đề xã hội, từ thiện cần phải đặt trong mục tiêu to lớn là tái tạo đời sống thanh bình trên toàn thể đất nước thì hiệu lực mới được chắc chắn và bền vững.

QUAY PHIM... thế sự

UY-KHANH

Cần và gần.

Đó là một châm ngôn khôn ngoan trong việc giúp ích kẻ khác. Người ta có ở trong tình thế bức bách khẩn thiết, thì mình mới nên giúp, chứ ai mà nhu cầu mỗi ngày hai bao thuốc thơm « Rui-bi » và 3 chai bia « 33 », thì mình còn tiếp tế giúp thêm món ngon vật lạ làm chi. Cái lối giúp đó đại quá, vì để mua lấy một chút hư danh hay một đôi lời hứa hẹn đường mật mà mình đã hao công còn tổn của vô ích, làm cho kẻ nghèo cần mình giúp lại bị những kẻ tào lao ăn phỗng tay trên mất!

Và giúp thì nên lo giúp cho những kẻ gần mình đang đau khổ nhan nhãn trước mắt cái đã, chứ còn thả hồn mộng đi giúp xa vời ở đâu nữa? Gần mà làm không xong, để theo dõi cái xa xuôi, thì rồi gần cũng mất nhờ, mà cái xa xuôi kia cũng có ngày lấy xa làm khuất thời!

Tình thần giúp ích hành thiện không thể là ngày ngộ đề cho người không đáng thụ hưởng được hưởng rồi ngồi cười nụ kẻ giúp... đại!

Cái đời gà:

Vừa rồi, báo Tự-do, trong mục « điềm người và việc », có trích đăng một chuyện báo ấy gọi là « vui vui » do báo Xây dựng đã lược lật được trong đại hội toàn quân. Chuyện vui của quý ông là thế này:

« Trong giờ dùng cơm trưa, mỗi người được dùng « một phần bánh và một miếng thịt. Dĩ nhiên anh em « quân nhân ai cũng vui vẻ ăn nghiến ngấu. Chỉ trừ « mấy đại-đức Tuyên-úy thì xem chừng lúng túng quá. Tinh « ý, một anh chạy tới chấp tay thưa :

« — Bạch thầy, dạ chắc thầy dùng cơm chay. Rồi « chẳng kịp đề Đại đức nói, anh giơ tay động mạnh « vào chiếc dùi gà nói :

« — Bạch thầy, đề em đỡ hộ thầy cái này ».

Cái nguồn « vui » của báo Tự Do và văn chương của báo Xây dựng là như thế đó. Những đoạn văn « mấy Đại-đức xem chừng lúng túng » và những ngôn ngữ mất dạy gán cho người nào đó, đây về kỳ thị mĩ mai. Hồn xược rõ rệt, tuy có làm « vui » cho người này, lại làm khó chịu nôn lợm cho người khác. Quý ông muốn mua vui bằng cách chế riễu hồn xược với các tu sĩ Phật-giáo và mĩ mai tín ngưỡng của Phật-giáo chẳng? Nếu thế, chắc không đẹp đẽ gì, mà còn tiếp tục kỳ thị vô lối, điều nên tránh xa đề tỏ rằng các ông « đại đoàn kết tôn giáo dân tộc » cho chứ !

Trần ngập ảnh và ảnh.

Trào lưu chụp ảnh kỷ niệm đang hồi phát triển mạnh. Hở một chút là chụp ảnh, và chụp cho thật rõ nhiều, say mê ảnh đến cao độ, dồn tiền chụp ảnh cả ngày lẫn đêm, bất kể phí tổn, đề nắm lại trong tay cho thật nhiều hình ảnh về hội hè, lễ lựợc khai mạc bẻ mạp, tiệc mừng, đám rước... đề mà lưu niệm, đề mà « an-bum », triển lãm. Nhưng mà ảnh chỉ là ảnh, nghĩa là ảo ảnh, thì nên làm vừa vừa thôi, vì mê ảnh lắm sẽ đi xa lẫn sự thật không chừng! Phung phí quá nhiều tiền đề mua lấy những bình ảnh thì không thực tế lắm đâu, nên đem những số tiền lớn dùng vào chuyện « ảnh » đề làm những chuyện ích lợi thiết thực, vì phương tiện của ta đâu có tiền rừng bạc bể mà mang tiền đi đổ sông Ngô?

Những đề tài hay ít được khai thác.

Đó là những cảnh lầm than cơ cực, quanh biau buồn tủi, tật nguyện của những em bé, những bà già

ông lão, những kẻ xấu số khác. Đó là những đề tài đầy cảm hứng, đầy ý nghĩa, đề chụp ảnh hay hội họa, phóng đại đem treo thường trực ở các nhà giảng, các hội quán, v.v... đề Phật tử thường thức và nhớ đề ra tay cứu khổ cứu nạn cho phi chí bình sinh « kiến nghĩa bất vi vô dũng giả ». Những cảnh « huy hoàng » ở mặt tiền thường thấy nhiều quá đã hơi nhàm và có thể là những bình phong che đậy những cảnh đau lòng ở hậu trường, ở trong bóng tối. Các văn nghệ sĩ, các nhà trí thức chắc sẽ vui lòng đem hết tài năng làm việc và cố sức cho việc cứu khổ cứu nạn được nhiều kết quả. Không còn ai muốn bay lượn trên chín tầng mây với « nghệ thuật vì nghệ thuật » trong khi xứ sở quá đau thương !

Phòng bệnh hơn chữa bệnh

Bệnh xá của Phật-giáo càng ngày càng tăng lên, đó là triệu chứng đáng mừng. Ngay tại Thừa-thiên, Phật-giáo đã xây cất thêm một bệnh xá quy mô ở Dương-biều (Hương-Thủy) Chủ trương chữa bệnh đang tiến hành khá quan. Nhưng cũng không thể quên những nguyên nhân thông thường đã gây bệnh tật là thiếu vệ sinh và sự nghèo nàn đói rét, thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu nơi che mưa đực nắng. Vậy thì chữa bệnh mới hàng nhì, phải chặn ngang đầu cơn bệnh là phải tổ chức và thúc đẩy những công tác xã hội cứu tế thường xuyên để giảm thiểu những nguyên nhân chính gây ra bệnh tật. Nhưng về phần « ngừa bệnh » này, ngó quá ít ỏi, cho nên những bệnh xá hằng ngày phải tiếp đón quá nhiều người. Phải cấp thời tấn công phòng ngừa bệnh tật, đừng để bệnh đột kích rồi mới phản công.

Đại đoàn kết tôn giáo dân tộc là thế nào ?

Là chấp nhận cho « Tổng-hội Phật-giáo V.N », một sản phẩm do cựu Thủ Hương dựng đứng lên để làm tay sai chia rẽ và phá hoại Giáo Hội Phật-giáo V.N.T.N. hồi năm rồi, được gia nhập Hội-đồng Tôn-giáo có đại-diện các tôn-giáo khác như thông cáo ngày 21-9-65 của Hội-đồng này đã cho thấy. À, thì ra « Tổng hội » này được khai sinh bởi tên phản bội Trần-văn-Hương tiếp tục sự nghiệp Ngô-gia đàn áp Phật giáo, và được dung dưỡng cho sống đến ngày nay, là để làm

cái việc tảo bạo khiêu khích xem thường Phật-giáo của dân-tộc bằng cách «mãi-dò» hội đồng này, bất chấp tất cả.

Phật-giáo đồ toàn quốc và hải ngoại bình-tĩnh chờ xem những diễn biến của thông cáo trên và sẵn sàng đón xem những hoạt động mới trong giai đoạn mới của «Tông-hội Phật-giáo» đường Cao-Thắng Sai-gon.

Chẳng ai ngạc nhiên và xúc-động gì về sự «tham gia» này của «Tông-giáo-hội». Người ta chỉ ngạc nhiên là các đại diện của các tôn giáo bạn lại chịu cùng ngồi với một «tông-giáo hội P. G.» đã được khai sinh trong những trường hợp trên và đã có những thành tích mà trong nước và hải ngoại đều dư biết.

Đây cũng là một thử thách mới giữa chân và giả. Nếu «Tông giáo» hội thử thật, thì xin chúc cho Tông giáo hội đại thắng ca khúc khải hoàn!

Một bức thư đáng lưu ý :

Tòa soạn.L.H tiếp được bức thư sau của ban đại diện Chi Giáo hội Phật giáo Đôn dương (██████████) nhờ đăng. Thư rằng: «Hôm 7-6., có một ông Thầy (không rõ có phải là thầy hay không) độ chừng 35 đến 40 tuổi, nói giọng Huế người gầy, phía sau đầu có vết sẹo, đến chùa Giác Hoàng chúng tôi xin ở lại một đêm rồi sáng về Huế. Ông tự xưng là tu núi và nói rằng sẽ vào tu ở Vũng rờ. Ông đã ra đi không từ biệt, lấy theo cái máy Ampli TOA kiểu C.A. 312 A-50 vvatls của Hội chúng tôi bỏ vào xách mang đi. Xin báo đề quý vị lưu ý sợ kẻ ngụy trang sẽ còn gạt găm nhiều nơi».

Xin khẩn cấp «a lô» cho bà con biết đề phòng nạn thầy «tu rừng tu bể» này. Vì nhận định là «một ông thầy» một cách hơi hấp tấp, nên mới bị ông «thầy» mượn cho cái máy Ampli, có lẽ ông «thầy» (mà không phải là ông thầy) hiện đang thưởng thức cái máy trên nẻo tu tào-lao xi-bộp của ông ta. Từ lâu nay, biết bao người đã, đóng vai cư sĩ bay tu sĩ «hành đạo» kiểu này, ngoài ra còn lắm người giả danh Viện Hóa đạo hay nhà chùa đi bán kính sách ảnh tượng để thủ lợi riêng. Giáo hội đã nhiều lần cảnh giác trên mặt báo này cũng như đã từng vạch mặt những

«vị» đó. Và biết đâu những kẻ bậy bạ đó lại là những tay sai phá hoại tế nhị để gieo tiếng xấu cho P.G. như thời Diệm đã từng dùng cán bộ mật vụ đóng vai tu sĩ hay cư sĩ bề bỏi, trộm cắp để đánh lộn sòng bỏi lộ một tôn giáo? Tinh thần hộ pháp và lòng từ tâm cần phải minh mẫn sáng suốt để khỏi bị lừa gạt mãi, thiệt hại cho mình mà mắc mưu trượng ác cho người xấu.

Bệnh chậm tiến

Bệnh kẻ công trạng, đi đâu cũng bỏ bỏ «Nhu ta đây là...» đứng chỗ này kẻ, qua chỗ khác kẻ, vì ham đứng kẻ và mất quá nhiều thời giờ tự chiêm ngưỡng nên không tiến bộ thêm được. Gây thiện nhân thì hưởng thiện quả, nói chi lắm để mang cái quả ba hoa, hữu lậu giảm bớt công đức của Phật sự — Đức Phật nhiều kiếp xả thân vì chánh pháp, cho đến xả cả ngôi báu thế tử, Quảng-Đức Hòa-thượng cùng các Thánh tử đạo chịu chết để cho Đạo sống có bề kẻ chi đâu, mới được phẩm cao, muôn đời ghi tạc!

Bệnh quên lỗi mình lại trầm trọng hơn vì còn biết đau chỗ nào mà chữa cho lành nữa chứ?

Bệnh «lên giây đồng hồ» thì chỉ biết làm Phật sự theo cao hứng nhất thời, vui chân theo bậu theo bè, vui đậu, buồn bay, gặp khó và điều trái ý thì bán đồ nhi phế rút lui không báo trước. Nhưng mà tu tập là chuyện trăm kiếp ngàn đời, đâu phải là chuyện cao hứng, đâu phải là chuyện của ai?

Xao lãng, không chuyên cần bền bỉ kiên nhẫn, làm sao đạt được kết quả đẹp lành.

Bệnh trí thức vị kỷ còn tệ hại hơn nữa. Loại trí thức này lớn tiếng nói lãnh đạo, nhưng kỳ thực họ chỉ biết lãnh đạo cái buy-dinh, xe hoa kỳ, tử bực cũng cố địa vị; lo cho vợ con có một cuộc đời nhưng lựa lộng lẫy. Họ tuyên bố đủ điều phê bình chỉ trích, đủ thứ đề rồi chẳng làm được một cái gì hữu ích cho ai cả. Có chuyện bất trắc nguy hiểm là đầu hàng, tố bậy hay «dĩ đảo vi thượng sách» nhưng khi sóng gió đã qua, thì đã lại thấy mặt loại trí thức đó trở lại trên khán đài lên giọng dạy đời và hết... của.

Ngọc Như - Ý

(tiếp theo số 8)

TRỞ VỀ BA-LA-NẠI

Sau khi đâm hai thanh trúc nhọn lút sâu vào đôi mắt anh, Ác-Hữu ôm gói hành lý của mình và chạy nhanh xuống, không dám quay lui nhìn lại. Trong tay Ác-hữu nắm chặt ngọc Như-ý mà tâm trạng hoang mang lo sợ, tưởng chừng như có ai bên cạnh đang rình rập để cướp đoạt của quý. Ác-Hữu đến một làng xa, thuê một cỗ xe ngựa cũ để trở về kinh thành.

Ác-Hữu ra mắt phụ vương và trình ngọc Như-ý. Hoàng đế La-Xà thấy viên bảo châu long lanh màu sắc, rực rỡ như châu góp bao nhiêu ánh sáng của vũ trụ nhưng trong lòng cảm thấy có điều gì bất an. Trước tất cả mọi điều, Ngài hỏi Ác-Hữu:

— Sao lại chỉ một mình con về đây? Thế anh con và

cả đoàn thủy thủ bây giờ ở đâu?

Không ngập ngừng, Ác-Hữu trả lời:

— Thuyền chúng con bị chìm. Chỉ có một mình con may mắn được sống sót. Anh con và đoàn thủy thủ có lẽ đã bỏ mình giữa đại dương.

Vừa kịp nghe tin hung dữ, vua và hoàng hậu đều buông lời kêu than và ngắt lịm đi. Cả hoàng cung cùng cảm thấy lòng se thắt khi tưởng nhớ đến người anh hùng đã xả thân vì họ.

Sau khi đã tỉnh, vua La-Xà bèn bảo Ác-Hữu thuật lại đầu đuôi cuộc hành trình. Ác-Hữu chỉ kể được đoạn đầu còn thì hết sức lúng túng khi phải nói về sự tiếp xúc với Long-hải Đại-vương mà hẳn không tài nào tưởng tượng nổi.

Nhà vua đâm ra nghi hoặc. Không lẽ nào một kẻ thông minh, quả cảm như Thiệu Hựu lại có thể chết một cách thảm thương. Vả lại nếu ngọc Như-ý có sức vạn năng thì tại sao trong cơn sóng to gió lớn nó lại không có thần lực để giúp thuyền vượt qua khỏi tai nạn?

Vua La-Xà lại hỏi Ác-Hữu về ngọc Như-ý và muốn Ác-Hữu thí nghiệm xem năng lực thần diệu của nó. Nhưng Ác-Hữu không tài nào xử dụng được ngọc quý.

Vua và Hoàng hậu có tất cả lý lẽ để nghi ngờ Ác Hữu, rồi thì bao nhiêu đau khổ, nhớ thương dồn chất lên trên đôi mái dấu bạc. Hoàng hậu đã khóc than nhiều đêm thâu, rồi lâm trọng bệnh cho đến một hôm kia đôi mắt của Ngài hóa ra mù lòa. Hy vọng cuối cùng của bà là mong cho Thiệu Hựu còn sống để trở về, nhưng giả thử một ngày nào đó hy vọng kia thành sự thật thì đôi mắt người mẹ đáng thương làm sao còn trông thấy được gương mặt thân yêu của con mình.

Đã gần trọn một năm trời

trôi qua từ ngày Thiệu-hữu lên đường. Hôm nay, Hoàng-đế La-xà được tin có sứ-thần của vua Lợi-sư-Bạt đến vấn an.

Sứ thần một nước chư hầu đến viếng một nước lớn chỉ là công việc thường lệ, nhưng trong chuyến đi này sứ giả của vua Lợi sư Bất còn có một mục đích kín đáo: tìm hiểu về tình hình Ba-la-nại, những mưu mô của Ác-Hữu và sắp đặt để đưa Thiệu-Hữu trở về Ba-la-nại. Sau khi cầu chúc sức khỏe cho hoàng đế, sứ thần ngỏ lời hỏi thăm thái-tử Thiệu-Hữu.

Hoàng đế La-xà, đau lòng đến nghẹn ngào. Giây lâu, ngài nói:

— Khanh hãy trình lại với vua Lợi sư Bất rằng ta đau đớn mà báo tin Thiệu Hựu, con ta, đã bỏ mình giữa Đại-dương trong chuyến đi tìm ngọc Như Ý để cứu giúp chúng sinh.

Sứ thần vua Lợi sư Bất bây giờ chắc rằng chàng thanh niên ưu tú, có tài đánh lên điện đàn giải thoát, có thần lực chữa khỏi đôi mắt mình chính là Thái-tử Thiệu-hữu,

nên đứng dậy, đến gần hoàng đế La-xà và tâu rằng:

— Tâu Hoàng đế, Thái-tử Thiện-Hữu đang còn sống!

Hoàng đế La-xà giật mình kinh ngạc và trong vui mừng ngài hồi lớn.

— Khanh nói thật đấy chẳng? Con ta đang còn sống thật chẳng?

— Tâu hoàng đế, thái tử Thiện-Hữu đang còn sống và hiện ở tại kinh thành nước chúng tôi. Thái tử đã bị một kẻ ám hại, đâm trức nhọn vào mắt; để cướp lấy ngọc Như ý, nhưng may đã được cứu khỏi tai nạn.

Hoàng-đế La-xà run lên vì sung sướng và sau nhiều ngày suy nghĩ, ngài biết chắc kẻ phạm tội là Ác-Hữu nên truyền hạ ngục Ác-Hữu để chờ đối nại khi Thiện-Hữu trở về. Cả hoàng thành đều mừng rỡ trông đợi sự trở về của người anh hùng đã bỏ thí cho họ năm xưa.

Hôm nay là ngày vui của kinh-thành Ba-la-nại, Hoàng-

đế cùng Hoàng-hậu cỡi voi lớn cùng với quan văn võ đi ra tận ngoài xa mà đón rước Thái-tử. Nhạc mừng trời lên, nhân dân đứng hai bên đường hân hoan nghênh đón.

Khi gặp được cha mẹ, Thiện Hữu vội đến trước mặt, cúi đầu đánh lễ. Phụ vương và mẫu hậu đưa tay ra ôm lấy con. Hoàng hậu lấy tay sờ soạng, vuốt tóc, xoa mặt như cố tìm lại những đường nét quen thân của đứa con yêu dấu — đôi dòng lệ nhờ thương tràn ra khoe mắt.

Hoàng đế La-Xà nắm lấy tay Thiện Hữu.

— Thiện Hữu ơi! Cha mẹ thương nhớ con mà đến nỗi này!

Thiện Hữu cảm động. Phút hội ngộ tưởng là sung sướng này lại là phút đau xót vô cùng. Chàng nói:

— Cha mẹ đã đau khổ vì con, con xin nguyện suốt đời trả ơn sâu nặng, và xin theo gương sáng này mà mãi mãi quên mình cho chúng sanh.

Những người có mặt đều rung rung nước mắt. Bài học thương yêu vừa rồi đã làm cho họ có những phút bằng lòng nhất trong cảnh sống hiện tại của họ.

Khi trở vào cung, Thiện-Hữu bèn tâu với Phụ Vương:

— Em Ác-Hữu của con bây giờ ở đâu?

— Con không nên nhắc đến đứa em độc ác ấy nữa. cha đã cho giam nó vào ngục tối để đợi ngày giao cho con xét xử.

Thiện-Hữu bèn quỳ xuống xin.

— Phụ-Vương hãy phóng thích em con và cho anh em con được gặp gỡ nhau. Chính em con đã tạo thử thách để con trưởng thành trong bước đường phục vụ.

Thiện-Hữu đi thẳng đến nhà giam, chàng thấy Ác-Hữu bị xiềng hai tay bằng xích sắt, cõ mang gông nặng đang than thở. Cái hình ảnh một đứa em phản bội

đói đến là người ngày trước tại bờ biển hiện lại trong trí óc của chàng nhưng không làm cho chàng giận dữ chút nào. Thiện-Hữu tự tay tháo gông cùm, xiềng xích cho em, trong khi đó Ác-Hữu lại hồ thẹn, không dám ngẩng nhìn lên.

Thiện-Hữu ngọt ngào bảo :

— Em có khổ sở lắm không? Anh đã xin Phụ-vương tha tội cho em rồi. Em hãy đứng dậy và ra khỏi nơi này.

Hai anh em vào lại hoàng-cung. Trước mặt hoàng-đế La-Xà, Thiện-Hữu hỏi em:

— Ngày trước em đã thay anh mang ngọc quý về, bây giờ em cất ở đâu?

Ác-Hữu không còn cách nào chối cãi được, trước mặt phụ vương, nên xin phép ra vườn, đào dưới gốc cây hồng, lấy viên ngọc Như-y đem vào trao cho Thiện-Hữu.

Trên tay Thiện-Hữu, ngọc Như-y phát ra hào quang huyền diệu. Thiện-Hữu tưởng

như vừa mới trông thấy ngọc từ hộp vàng của Long vương lấy ra. Đối nên hương, Thiện Hữu đến trước mặt hoàng hậu chú tâm cầu nguyện.

— Nếu quả là ngọc như ý có thần lực vạn năng, xin hãy làm cho đôi mắt của mẹ ta trở lại sáng suốt như xưa.

Tâm thành và lòng thương cha mẹ của Thiện Hữu quả đã tác dụng được thần lực của ngọc Như ý. Hào quang tỏa ra và nhiều tia sáng thoảng nhanh qua gương mặt nhăn nheo. Liền sau đó, hoàng hậu chớp chớp lía lịa và sung sướng reo lên :

— Thiện Hữu ơi ! mẹ đã thấy được con rồi. Mẹ đã thấy con

đang đứng trước mặt. Và mẹ cũng đã thấy trong tay con có ngọc Như-ý, mẹ đã thấy trong tay con sáng ngời tình thương. Thiện Hữu con ơi ! con hãy lại gần đây để mẹ được ôm con vào lòng.

Và từ đây, phát tâm đại từ đại bi, Thiện Hữu đã nhờ thần lực của ngọc Như-ý và đặc biệt là nhờ phương pháp kiến tạo xã hội mà cấp dưỡng được đầy đủ cho hết thảy chúng sinh, đúng như lời hoàng hậu đã ca ngợi chàng : « trong tay con sáng ngời Tình thương ».



*Mẫu chuyện đạo này khởi
đăng từ số Phật đản 2509 rằm
tháng tư Ất-tỵ, đến đây là hết.*

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI :

HÌNH-ẢNH BẤT-DIỆT CỦA PHẬT-GIÁO

*Tập sử bằng tranh của Hòa-sĩ TIỀN-TRUNG, trường
thuật cuộc Tranh-đấu Bảo-vệ Chánh-pháp năm 1963*

VƯỜN TRÒ ĐẠO LÝ

NGUYỄN HẠNH phụ trách

Hôm nay chúng tôi xin giới thiệu mấy vần thơ của Thiền-sư VAN-HẠNH (939 — 1025). Thiền-sư VAN-HẠNH họ Nguyễn, người làng Cồ-Pháp (nay là làng Đình-bảng phủ Từ-son, tỉnh Bắc-ninh). Theo Thiền-Uyển tập-anh, nhà Thiền-sư vốn đời đời thờ Phật, từ thuở nhỏ đã nghiên cứu đủ tam giáo, nhưng đối với chuyện áo xiêm, Sư rất hững-hờ nhạt-nhẽo. Năm 21 tuổi, Sư xuất gia cùng với sư Định-Huệ, theo học Lục-tổ ở chùa Dịch-bảng phủ Thiên-đức (nay là phủ Từ-son, Bắc ninh) Sau khi Lục-tổ mất, Sư chuyên tập môn Tổng-tri-tam-ma-địa, cho đó là nhiệm vụ chính của nhà tu hành. Vua Lê Đại-hành (980 — 1005) rất mực tôn kính Thiền-sư. Tháng ba năm tân tị (981) quân nhà Tống do bọn Hầu nhân Bảo, Tôn toàn Hưng, Lưu Trường điều khiển tiến đánh nước ta, Van-Hạnh Thiền-sư, với tài cao học rộng, đã trở thành vị cố vấn về quân sự cho triều đình. Vua triệu Sư đề hỏi về sự thắng bại, Thiền-sư trả lời:

— Trong ba bảy ngày nữa, giặc sẽ rút lui.

Sau quả y như lời. Đó chính là lời tiên tri của một bậc tu hành nhờ giữ được lòng thanh-tĩnh, nên có thể dễ dàng quán-thông được sự vật bằng chính trực-giác tâm-linh của mình, chứ không phải bằng phán đoán của lý luận. Thiền-sư còn tỏ ra là một người thấu hiểu được cái bi-nhiệm của cuộc đời, nhất là cái huyền bí của lòng người. Những sự tích như chuyện

phát giác được ý định của tên Đổ Ngân muốn ám hại Thiền-sư, chuyện đoán trước nhà Lê sẽ chấm dứt, Lý Công-Uân sẽ lên thay, chứng tỏ Thiền-sư Vạn-Hạnh quả thực là một bậc chân tu đạt đạo, có thể tri-giác được cả Quá-khứ lẫn Tương-lai. Do đó, dưới triều nhà Lý, Thiền-sư càng được trọng-vọng. Vua Lý Thái-Tổ đã truy-tán Thiền-sư Vạn-Hạnh bằng bài kệ sau đây :

Vạn	Hạnh	dung	tam	tế
蕩	行	融	三	際
Ưng	phù	cổ	sám	thi
應	符	古	識	詩
Hương	quan	danh	Cổ	Pháp
鄉	關	名	古	法
Quải	tích	trần	vương	kỳ
挂	錫	鎮	王	畿

Tạm dịch :

Học rộng lâu tam-giáo (1)
 Lời in tiếng sám xưa
 Quê làng tên Cổ Pháp
 Treo gậy vững kinh vua



Một lần nói chuyện cùng các đệ tử, Thiền-sư Vạn-Hạnh đã bảo như sau :

« Ta chẳng cần chỗ trú mà trú, chẳng y theo nơi vô trú mà trú ». Tất cả cái quan-niệm khoáng-đạt ấy có thể xem như được kết-tinh trong bài kệ ngắn ngủi sau đây, mà Thiền-sư đã xuất khẩu vào ngày rằm tháng năm năm Ứng-thiên thứ 9 (1019) :

Thân như điện ảnh hữu hoàn vô
 身如電影有還無

(1) Nho-học, Phật-học, Lão-học

Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô
 萬木春榮秋又枯
 Nhiệm vận thịnh suy vô bố úy
 任運盛衰無怖畏
 Thịnh suy như lộ thảo đầu phô
 盛衰如露草頭鋪

(Thi đệ-tử)

Tạm dịch :

Thân như bóng chớp có rồi không
 Cây đó xuân tươi, thu nào nùng
 Mộc cuộc thịnh suy đừng sợ hãi
 Kia kia ngọn cỏ giọt sương đông

(Bảo các đồ đệ)

Bài thơ mở đầu bằng chữ « thân ». Vấn đề Sắc Thân, vấn đề hữu và vô, có và không, vốn là một vấn đề căn bản của triết học, tôn-giáo Đông-phương chúng ta. Câu đầu :

Thân như điện ảnh hữu hoàn vô

Thân là gì ? Cái thân của chúng ta, cái mà nhà Phật gọi là *numa-rupa* là gì ? Phải chăng đó chỉ là do ngũ uẩn nối kết, cấu tạo mà thành ? Một khi ngũ uẩn đã tan-rã thì tất cả cái thân của ta cũng không còn. Có đó rồi không đó, chỉ trong một khoảnh khắc, như ánh chớp loè ra rồi chớp tắt đi trong vô cùng của vũ-trụ.

« Hữu hoàn vô », có rồi không

— CÓ, bởi vì nếu xét theo mặt tương đối, thân của ta có nhưng có với những người khác, có với đối tượng khác, nghĩa là có với thể-giới hiện-tượng do lục-căn và lục-trần xoắn xuýt lấy nhau mà tạo thành này ; KHÔNG, bởi vì nếu theo bản thể, thân của ta trở lại thành không. Cho nên, trên dòng biến dịch của thời gian vô tận, cái thân của ta chẳng khác

chỉ một ánh chớp loè ra rồi tan biến đi trong khoảnh khắc cực kỳ chóng vánh, chợt đến chợt đi. Do đó, sự tuần hoàn trao-đổi của hữu và vô, có và không, được nhà thơ tượng trưng bằng nhịp bước đi của bốn mùa xuân hạ thu đông:

Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô

Tất cả thảo mộc hoa cỏ trong thế giới này cho chúng ta chiêm nghiệm về lẽ vĩnh cửu cùng giả tạm của cuộc đời. Cỏ cây đã bày ra cảnh tươi tốt sầm uất mùa xuân, cũng như cảnh tàn tạ héo úa mùa thu, đó chính là lẽ tự nhiên của vạn vật. Có xuân thì phải có thu, có vinh thì phải có khỗ, có có thì phải có không... tất cả những mâu thuẫn đó chính là những mâu thuẫn nội-tại của thế giới hiện tượng, những mâu-thuẫn nội tại vốn có trong ý thức của con người sống trong thế giới hiện tượng đó.

Vạn-Hạnh Thiền-sư đã đứng lên bên trên dòng biến-dịch luân lưu của thời-gian hiện-tượng cũng như đã đứng ra ngoài những mâu-thuẫn, những dị đồng của thế-giới hiện-tượng.

Nhà thơ không giải-thích (bởi vì chủ trương của thiền học chính là không lý luận giải thích); nhà thơ chỉ chiêm-nghiệm, chỉ mở rộng tâm-hồn mình để trực-giác về bản-thể của sự vật. Tất cả thịnh suy, có không, đối với người đạt đạo, chỉ là hiện-tượng, do đó, kẻ đạt đạo không phải bận tâm lo buồn, hãi sợ trước sự xoay vần, chuyển dịch của thời gian đi qua thân thể của đời người:

Nhiệm vận thịnh suy vô bố úy

Thịnh suy như lộ thảo đầu pho.

Thịnh suy, có không, thế giới hiện tượng, rút cuộc, rồi cũng như giọt sương trong trên đầu ngọn cỏ xanh. Giọt sương trong trên đầu ngọn cỏ, phải chăng ở đây chính là một hình ảnh tượng-trưng được nhà thơ dùng, để biểu thị cho Chân-tâm, tức cái bản thể tịch tịnh tròn đầy của người tu hạnh đạt đạo?

MỘT NGÀY VỀ PHÉP

của ĐỨC-THƯƠNG

Trải qua nhiều ngày tinh thần căng thẳng, hôm nay cầm tờ giấy phép trong tay, Thanh đình ninh rằng mình sẽ được về nằm nhà nghỉ ngơi thoải mái ít hôm.

Nhưng sự thật đã trái hẳn với điều chàng tưởng. Tiếng l-âm của vô số xe hơi nối đuôi nhau chạy không ngừng ở ngoài đường. Nhà Thanh nằm vào một đại lộ chính của Sài-gòn nên mặc dầu ở tận tầng lầu thứ ba và đã quá mười hai giờ đêm, sự huyên náo vẫn không được giảm bớt chút nào. Phòng trà trước mặt nhà vẫn vang lên những điệu Tuýt cuồng loạn Thanh không sao chớp mắt được, tâm trí chàng đã rối loạn mất rồi. Giờ thì Thanh thấy những đêm ngoài tiền tuyến vẫn còn được yên tĩnh hơn.

Đến một giờ khuya, vì giờ thiết quân luật đã được ấn định nên cái yên lặng mới bắt đầu. Nhưng rồi trên không tiếng máy bay như sấm dậy, tiếng canh nông của những căn cứ pháo binh gần đô thành vẫn được âm âm vọng lại. Không lâu chàng nghe trở lại những hồi còi xe hơi inh ỏi, tiếng máy nổ « pành pạch ». Cái não nhiệt đã trở về với đô thành.

Không thể dùng những ngày phép này để tĩnh dưỡng tinh thần được nữa, sau khi dùng bữa đêm tâm Thanh tìm đến nhà Thu, cô cháu gái ở Huế vào Sài-gòn trọ học đã mấy năm nay.

Cửa nhà Thu đóng nhưng nghe có tiếng nói cười vui vẻ lắm nên Thanh không bấm chuông vội. Chàng vốn có tính không bao giờ cắt ngang câu chuyện vui của một ai. Chàng im lặng lắng nghe.

— Cầu bắt đắc khờ mà Thu nói lua lua mình nghe như là : cầu bắt đắc thì thất cồ.

Một chuỗi cười trong trẻo lại vang lên rồi tiếp liền câu nói khác :

— Thì năm kia có cậu học sinh nào đó, thi rớt về treo cồ tự tử đấy.

— Nhưng có thắc cồ thi cũng vẫn « bắt đắc ». Nói đến sự ước muốn thì nhiều lắm, ước muốn danh vọng, ước muốn tiền tài, ước muốn sắc đẹp, ước muốn tình duyên... vô số là ước muốn. Càng nhiều ước muốn thì càng nhiều thất vọng, càng nhiều thất vọng lại càng nhiều đau khổ.

— Thế thì Lan Anh này sẽ không ước muốn gì cả.

— Thật không đấy ? Không ước muốn gặp gỡ lại cái anh chàng đã viết lưu niệm cho Lan Anh hôm trước ấy sao ? Giá như tình cờ anh chàng ấy xuất hiện ở đây thì Lan Anh có vui sướng không ?

— Ừ, nếu vậy thì vui lắm chứ.

— Ở đời thường có lắm cái oái-oăm thế đó, người mình thích được gần gũi thì phải lìa xa còn có người mình ghét cay ghét đắng không muốn thấy cái mặt họ, lại phải chung đụng hàng ngày. Trong lớp mình thường ngồi bên những đứa bạn khó tính, để ghét mình thấy thật là khổ sở, mình đã cố không nói bất cứ một lời gì với nó nhưng rồi cũng vẫn thấy bực mình.

— Ngay trong một gia đình, anh em khi giận nhau cũng không thể ngồi ăn chung với nhau một mâm nữa.

— Đó cũng là một cái khổ thứ bảy gọi là « oán tắng hội khổ ». Còn cái khổ thứ tám là « ngũ-ấm-xí thanh-khờ ». Năm thứ che đậy trong thân con người là : sảo, thọ, tướng, hành, thức, nó luôn luôn biến đổi, luôn luôn xung đột mâu thuẫn làm cho con người phải nhận sự chi phối của luật vô thường. Theo khoa học chúng mình cũng đã biết chỉ một tích-tắc, biết bao nhiêu tế-bào đã thay đổi trong con người. Nhà thơ Xuân-Diệu ngày trước cũng có câu : « Ta phút trước khác ta phút này ». Rồi đến một ngày kia cái thân xác này cũng tan-rã, cho

nên con người phải lo-sự buồn-phiền. Ngoài ra còn bị thất tình, lục-dục lôi cuốn, dấn nhiệm sáu trần, con người đi đến chỗ khỗ-lụy. Vì vọng-thức điên-dảo chấp trước, con người nhận-thức phân-biệt sai-lầm có « cái ta », có sự « hiện-hữu » cho nên mãi vướng vào sự lo-âu khỗ-não...

Không thể đợi chờ lâu hơn, Thanh đưa tay lên ấn nút chuông. Thờ ra mở cửa, trông thấy Thanh, nàng mừng rỡ chào đón :

— A ! Chú Thanh ! Chú về từ bao giờ đó ?

— Chú về chiều hôm qua, Thu vẫn sức khỏe chứ ?

Vừa bước qua ngưỡng cửa, Thu vui-vẻ giới thiệu :

— Thưa chú, đây Lan-Anh, người bạn chí thân của cháu và xin giới thiệu với Lan-Anh đây chú Thanh của mình từ đơn-vị hành-quân mới về hôm qua . . .

Nhưng Thu bỗng ngừng lại với đôi mắt ngạc nhiên vì Lan-Anh đã vội-vã và niềm-nở :

— Anh Thanh ! Anh về sao không tin cho Lan-Anh biết trước ?

— Có mặt Lan-Anh tại đây thật là một sự tình cờ vui mừng cho tôi.

Thu ngổ-ngàn :

— Ủa ? Thế hai người quen nhau từ bao giờ đấy ? làm Thu giới thiệu cũng thừa.

— Chú quen Lan-Anh nhân một cuộc hành quân dừng chân ở Long-hòa.

— Anh Thanh, người đã viết cho mình trang lưu-niệm mà Thu đã tình cờ được đọc qua hôm trước.

Thu nhí-nhảnh :

— Tình-cờ thật cái gì cũng tình-cờ và ngay cả sự có mặt của chú Thanh hôm nay ở đây. Nhưng chú Thanh lưu niệm cho Lan-Anh chứ đừng lưu khỗ đó nghe !

— Vâng, Chú biết Thu và Lan Anh đang tìm hiểu cái khỗ của cuộc đời. Chúng mình phải là người gieo vui chứ

đâu lại rắc khờ. Đứng ra thì cái khờ của cuộc đời đã hiền nhiên, không cần phải tìm hiểu gì cả song có người vì quá đắm đuối hoặc vì vô minh mà không biết rằng mình đang khờ, hay biết mình đang khờ nhưng đầu hàng hoàn-cảnh, buông xuôi tay để đi vào tâm tối bi-quan.

— Nhưng sao Anh Thanh biết tụi này đang bàn đến « cái khờ »

—Thì tôi đã bắt lịch sự đứng nghe lóm mấy phút trước đây, cuộc đối thoại của hai người.

Lan-ánh thẹn-thùng ấp-úng :

— Anh... anh Thanh xấu quá!

— Nhưng tôi lại cho đó là một điều đẹp thì sao ? vì tình cờ tôi được « nghe lóm », chứ không chủ tâm đến đây để « nghe lóm », vì tôi muốn giữ lịch-sự, không muốn cắt ngang câu chuyện đang vui của người khác nên chịu khó đứng đợi một lúc lâu mới bấm chuông. Vậy thì « lịch-sự » hay « bất lịch-sự » cũng tùy quan niệm của mỗi người và mỗi lúc trong phạm vi tương đối mà thôi. Nếu chúng ta đòi hỏi một mức tuyệt đối thì cũng không có « lịch sự » và cũng không có « bất lịch sự ». Tất cả mọi sự, mọi việc cũng đều như thế cả nhưng vì con người cố chấp thiên-kiến nên gây nên khờ não.

— Vậy theo chú, nguyên-nhân chính của đau khờ là cố chấp à ?

— Không, không phải chỉ có cố-chấp mới là nguyên nhân chính của đau khờ. Cội gốc của mọi sự đau khờ luân-hồi là do các phiền não, mê lầm. Như Đức Phật đã trình bày, có đến tám mươi bốn ngàn phiền não, nhưng có thể tựu trung mười thứ phiền não gốc là: Tham, sân, si, mạn, nghi, thân-kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ và tà kiến.

— Lại đến lúc anh Thanh thuyết pháp rồi, mách cho anh biết Thu « một cây » giáo lý đó và chính Thu đã dẫn-dắt Lan-Anh đến với Đạo-pháp.

Thu cười tinh-quái rồi trả lời:

— Đối với Lan-Anh Thu là « một cây » nhưng đối với chú Thanh thì Thu này không bằng một ngọn lá. Không có nghĩa gì cả. Trong Đạo, Thu chỉ là bậc em của chú Thanh và là em út nữa đấy.

— Ồ, thì ra chỉ có Lan Anh này là « mù-tịt » giáo-lý, Lan-Anh chỉ là « con số không », xấu hổ quá !

Thấy Lan Anh ngồi cúi đầu như trách thềm, Thu vui-vẻ an-ủi :

— Thì trên đời này ai cũng khởi đầu bằng con số không cả chứ.

— Xin lỗi Lan-Anh và cháu Thu, đáng lẽ buổi gặp-gỡ này chúng mình phải có chuyện gì vui-vẻ thú vị hơn mới phải, vô-tình tôi đã biến thành buổi thảo luận khô-khan. Thôi, giờ chúng mình qua vấn-đề khác đi. Đề tôi kể chuyện chiến-trường cho Lan-Anh và Thu nghe nhé !

— Ồ, chuyện chiến-trường nghe hồi-hộp rùng rợn và thú-vị thật nhưng khi nào gặp chú là chỉ được nghe toàn chuyện bom đạn, thuốc súng và máu lửa. Chú định đem mùi thuốc súng vào căn phòng bé nhỏ này để làm ngạt thở chị em cháu hả ?

Lan-Anh cũng tiếp lời Thu :

— Thôi anh Thanh giải thích tiếp nguyên nhân của khổ đau cho tụi này nghe đi, có lẽ đó là câu chuyện thú-vị hơn cả.

— Thú-vị hay không cũng còn tùy ở tâm-niệm của người nghe. Giá như một người muốn đi dạo phố đi xi-nê mà bắt họ ngồi lại thảo luận giáo-lý thì họ có cảm thấy thích thú gì.

— Chú Thanh ám-chỉ Thu đó Lan-Anh ơi, nhưng thưa chú, cháu Thu của chú hôm nay không còn như cháu Thu của chú mấy năm về trước đâu.

— Thế thì hay lắm, Thu đã dứt được một cái khổ rồi. Cháu còn nhớ độ nào, mỗi chiều thứ bảy là cháu bán-khoăn búcc-rúc, hết ngồi lại đứng, tâm-hồn không định tĩnh vì cố tìm cách xin má mấy chục bạc để đi xi-nê. Có lúc rùi má không có bạc lẻ hoặc không muốn cho Thu đi thì... ôi thôi, Thu khóc sưng mắt sưng mũi cả buổi chiều, khổ thật phải không Thu.

Nãy giờ ham nói chuyện mà quên vào thăm anh chị, anh chị có ở nhà chứ?

— Ba má cháu đi Thủ-thiên chơi rồi, tối mới về. Cháu cũng ham nói chuyện mà quên rót nước mời, chú, chú bỏ lỗi cho cháu nhé.

Vào phòng một chốc, Thu đem ra tách nước, cần-trọng mời Thanh rồi nói tiếp:

— Hồi đó cháu tham cái vui mà phải khổ, giờ thì đâu có khổ như vậy nữa. Vì tham lam, ước vọng của con người quá nhiều quá lớn, không bao giờ con người có thể bằng lòng với hoàn cảnh với phương-tiện mình đang có nên luôn luôn bận tâm một trí và nhọc xác để chạy theo với danh vọng tài sắc, với phù phiếm xa-hoa. Đám-nhiệm một chức phận vừa với tài năng của mình cũng chưa chịu, muốn được làm to hơn, lớn hơn, khi được làm to hơn lại còn thích làm to hơn nữa. Một ngôi nhà gọn ghẽ ấm cúng chưa đủ, muốn cho được nhà lầu năm bảy tầng, xe hơi hai ba chiếc. Một bà vợ rồi cũng chưa vừa, ưa được thêm vài ba cô nữa. Những sự trộm cắp, cướp-bóc, giết hại lẫn nhau cũng do lòng tham mà ra. Bao nhiêu gia đình, tan vỡ cũng vì háo sắc ham tài.

— Thu nói đúng, những cuộc chiến tranh cũng do khởi điễm ở lòng tham lam, sân hận. Sự tham-lam kèm theo sự ích-kỷ thù hằn nóng-giận thì thế nào cũng cháy bùng lên trong tâm ngọn lửa bạo-tàn. Nhìn hai cậu bé đánh lộn, hai bà bán hàng cãi-vã chúng ta cũng đủ rõ. Cha mẹ, vợ con, anh em có khi vì sân-hận mà phải xa lìa nhau, « Nhất niệm sân tâm khởi, bách vạn chướng môn khai ». Đã vậy, con người có khi không còn đủ sáng suốt để phân biệt được điều phải, điều trái. Sự si-mê che lấp mất trí-tuệ không một chút ánh sáng chiếu rọi vào tâm-hồn. Tội lỗi mà không biết rằng mình tội lỗi cho nên không kèm hãm được thú-tánh lại còn chồng-chất thêm ác-nghiệp. Tham, sân, si là ba nguyên nhân đầu kéo lôi con người vào sự đau khổ luân hồi. Nguyên nhân thứ tư của sự đau-khổ là ngạo-mạn, tự cho mình là hơn người rồi hờa láo, xất-xược, khinh người không chịu tìm học và tìm hiểu đạo lý để phục thiện nên cứ đắm chìm trong tội-lỗi, trong đau thương.

Sự nghi kỵ ngờ vực cũng làm cho con người hoang-mang, tâm hồn không thể nào yên vui được. Mình không tự tin ở mình, lại không tin ở những người chung-quanh thì làm sao mà sống yên ổn? lúc nào cũng phập-phồng lo sợ. Trên vấn-đề đạo pháp, mình không tin tưởng thì làm sao tích cực tu-hành để giải thoát. Vậy thì nghi ngờ cũng là một nguyên nhân thứ năm của phiền não đau khổ.

Ngoài ra, con người còn « thân kiến », chấp cái thân này là thật có, cái « ta » này là vững chắc, riêng-biệt không liên-quan đến người khác, nên chỉ chú trọng trau dồi cái thân xác giả tạo này bằng đủ mọi cách: lo cho nó ăn ngon mặc đẹp, lo xây-dựng lầu cao, lo sắm xe thật tốt để cung ứng cho nó, lo cho nó địa vị cao trọng. Tất cả chỉ cốt phục-vụ cho một cái « ta » này dù là phải dùng đến những thủ-đoạn vô nhân-đạo đối với mọi người khác. Người nào cũng chỉ biết có một cái « ta » là quý giá đề rồi chung quy lại chỉ gây lấy sự đau khổ tang tóc cho nhau chứ không một cái ta nào được sung sướng cả. Tội ác chất chứa càng nhiều thì lại càng đắm đuối trong khổ lụy.

Sau thân kiến còn có biên kiến, nghĩa là thành kiến cực đoạn như tôi đã nói lúc đầu. Có hai thứ chấp sai lầm là chấp đoạn và chấp thường: chấp đoạn tức là cho rằng con người sau khi chết là mất hẳn, không có luân hồi, không có quả báo. Những người này thì họ chủ-trương ăn chơi cho sướng đời, tội gì kềm chế, đề cho thân tâm buông-lung theo dục-vọng, có tu cho lắm rồi cũng đến ngày nhắm mắt xuôi tay là hết. Nhưng bọn mình đã rõ lý luân-hồi, nhân-quả và vô-thường thì chúng mình đâu có chịu cái lý-luận như vậy.

— Thú thật với anh, Lan-Anh chưa được điểm-phúc đề hiểu sâu giáo-lý nên các vấn-đề Nhân-quả, Luân-hồi v.v.. Lan-Anh còn lơ-mờ lắm, anh Thanh vui lòng trình bày cho Lan-Anh hiểu rõ đi

— Đề dịp khác chứ, tham lam quá sao-được. Hay là tôi sẽ giới-thiệu cho Lan-Anh những sách-báo, tạp-chí của Phật-giáo để Lan-Anh tìm hiểu thêm. Hoặc nữa, có

Thu đây, rãnh-rối Lan-Anh cứ dăm-đạo với Thu và thỉnh-thoảng nên đi nghe các thầy giảng cho biết.

— Chú khỏi lo, kỳ này, lúc nào Thu đi chùa đều có đến lời Lan-Anh đi nữa.

— « Lối » tức là có sự « tri » vậy cũng là « si » đó. Nhưng thôi, mình trở lại vấn đề, còn nguyên nhân thứ tám của khổ đau là « kiến thủ » nghĩa là chấp chặt sự hiểu biết sai lầm của mình. Có hai phương diện, kiến-thủ vì không ý-thức được sự sai lầm do mê-mờ không sáng suốt để nhận ra ý-tưởng hành-vi của mình là quấy, Kiến-thủ vì tự-ái, biết mình làm bậy nhưng không dám nhận là bậy. Chính điều này đã làm cho con người không cải thiện được, rồi cứ lẩn-quẩn trong cái vòng lẩn-quẩn. Nhân loại cũng không thể nào tiến bộ mở-mang, không phải ta chỉ hiểu tiến bộ mở-mang về vật chất, khoa-học mà phải là tiến-bộ mở-mang về tinh-thần, đạo đức nữa kia.

Nguyên nhân thứ chín của đau khổ là « Giới cấm thủ » tức là làm theo lời răn-cấm của ngoại đạo tà giáo, nhiều khi rất tàn ác dã man. Ngày trước có đạo hằng năm phải dâng cúng cho thần núi một trinh nữ. ở Ấn-độ xưa kia cũng có đạo tin rằng: gieo mình vào lửa hay nhảy xuống sông trầm mình sẽ được phước. Còn đạo Vô-não ngày xưa hề ai giết đủ một trăm người lấy một trăm ngón tay kết thành chuỗi để đeo là đắc đạo. Sự cuồng tín không thể làm cho đời bớt đau khổ mà chỉ thêm đen tối, tang-thương.

Còn một nguyên nhân thứ mười nữa là « Tà kiến » nghĩa là chấp nhận những điều trái, không đúng lẽ phải, không đúng sự thật như những lời mê tín, dị đoan, chằng hạn đốt vàng mã, cúng sao hạn, xin xăm, bói quẻ, vẽ bùa. Cả thân-kiến, Biên-kiến, kiến-thủ và giới-cấm thủ cũng thuộc về tà-kiến.

Tất cả mười nguyên-nhân phiền não: Tham, sân, si, mạn, nghi, thiên-kiến, biếm-kiến, kiến-thủ, giới-cấm-thủ, tà-kiến cũng còn gọi là « thập kiết sử » tức là mười thứ trói buộc chúng sinh không cho ra khỏi vòng sinh tử luân hồi và có năng

lực sai khiến con người tạo nên nghiệp chướng đau khổ từ kiếp này qua kiếp khác.

— Cháu còn nghe nói đến Độn-sử và Lợi-sử nghĩa là thế nào chú?

— Trong Thập kiết sử chia ra hai thứ, tham, sân, si, mạn, nghi thuộc về « độn sử » nó có tác dụng chậm chạp nhưng mãnh liệt vì ngâm ngùi ăn sâu, chính vì lẽ đó mà khó diệt trừ. Còn thân-kiến, biêa-kiến, kiến-thủ, giới-cấm-thủ và tà-kiến thì thuộc về « Lợi-sử » tức là những món phiền não có tác dụng nhanh nhưng dễ sanh khởi thì cũng dễ diệt trừ. Tất cả những nguyên nhân của đau khổ ấy gọi là « Tập đế ». Tập có nghĩa là tích tụ lại, dồn chứa lại, để là sự thật vững chắc « Tập đế » tức là sự thật vững-chắc về những nguyên nhân của khổ đau đóa chứa trong kiếp người hay đúng hơn là trong chúng sinh ta.

Đức Phật đã cho chúng ta nhận thức sự đau khổ của cõi Ta-bà này và Đức Phật cũng đã chỉ cho chúng ta thấy rõ nguyên nhân của sự đau khổ ấy. Nhưng không phải dễ rồi chúng ta chán nản, bi quan, không nhìn thấy một cuộc đời tươi đẹp an-lành nào khác. Trái lại, có cảnh giới đau khổ thì cũng có cảnh giới an vui, Đức Phật cũng trình bày tiếp cho chúng ta thấy những cảnh giới an vui này trong phần « Diệt đế ». Có dịp, chúng mình sẽ thảo luận tiếp.

— Ước gì anh Thanh còn ở lại với tụi này nhiều ngày Lan-Anh mãi chăm chú ngồi nghe, đến đây như vẫn còn nuối tiếc.

Đồng hồ thông thả điểm mười một tiếng. Thu đứng dậy vội vã:

— Trưa quá rồi, chú Thanh ngồi nghỉ, xem sách chơi đề tụi cháu xuống bếp phụ với con Bê làm cơm, chú ở lại dùng luôn thề nhé,

Buổi gặp gỡ tình cờ và câu chuyện đầy đạo-vị hôm nay khiến tâm-trạng yêu đương của Lan-Anh đã nhường chỗ cho lòng kính mến một người anh.

Ông Nguyễn Học: KBC 4243

Hiện ở đâu cho biết địa chỉ để gửi báo. Xin cảm ơn

LIÊN-HOÀ

TIN TRONG NƯỚC

Diễn-Thuyết của Viện Đại-Học Vạn-Hạnh về Quốc-Học

Tối 5-9-65 vừa qua, Viện Đại-học Vạn-Hạnh đã tổ chức 2 cuộc nói chuyện tại trường Quốc-gia Âm-nhạc thủ-đô Saigon về vấn đề Quốc-học. Diễn-giả là các giáo-sư Hồ-hữu-Tường, hiện là Phó Viện-trưởng, Viện Đ. H. Vạn-Hạnh và giáo-sư Nguyễn đăng Thực.

Trong đề-tài « Đề phụng-sự Quốc-học », giáo-sư Hồ-hữu-Tường cho biết vì mục đích đó, Viện Đại-học Vạn-Hạnh đã chuyển thân từ Viện Cao đẳng Phật-học để tiến tới một viện Đại-học có đủ các Phân-khoa như các Viện Đại-học lớn trong thế-giới và có thêm những trường chuyên môn phụ-thuộc... để rèn luyện những cán-bộ đem áp-dụng sở đắc của Viện cho đúng với tinh thần học và hành. Bởi vì, học mà không hành, cái học ấy tách rời thực-tế không đáp ứng nhu cầu của dân-tộc. Hành mà không học ấy là cái hành của kẻ mù quáng phí công, phí thời-giờ, lợm thất bại nhiều mà chẳng xứng với công phu cố gắng.

Đề đi tới mục-dịch cao quý ấy, Viện Đại-học Vạn-hạnh đã thành lập những Phân-khoa Văn-khoa và Nhân-văn. Mở Phân-khoa Văn-khoa trước là do sự thúc đẩy bởi động-cơ có tính chất thiêng-liêng là bảo tồn các văn hóa dân-tộc và làm cho văn-hóa ấy mạnh lớn thêm. Phân-khoa Văn-khoa phải gánh vác trách-nhiệm quản-thủ các phần hương hỏa của gia-tài chung này, vì văn-chương, triết-học, lịch-

sử và địa-lý là những hình-thái đề ghi nhớ, duy-trì và phát-triển văn-hóa dân-tộc, là hiện thân của tinh-thần dân-tộc.

Các công việc xây dựng một nền Quốc-học này ngày xưa nhà cách-mạng Nguyễn-an-Ninh đã làm nhưng không nổi vì lúc đó ách thực dân đè nặng trên đất nước chúng ta. Ngày nay việc xây dựng Quốc-học còn khó khăn hơn nữa vì thể-hệ cũ-học ngày xưa đã gần tàn hết. Hơn thế nữa, theo lời giáo-sư, thì các thành-kiến bằng cấp và cách thức thi-cử hiện nay khiến chúng ta xa dần nền Quốc-học.

Đề trở về với nền Quốc-học cổ kính thiêng-liêng của dân-tộc Việt-Nam chúng ta, Viện Đại-học Vạn-Hạnh đã chú tâm đến việc thành lập các Phân-khoa Văn-Khoa và Nhân-văn với những chứng chỉ Quốc-văn, Quốc-sử, Văn-minh Việt-Nam, Triết Đổng và chứng chỉ EOMIR để dạy những phương-pháp học hỏi suy tư và viết luận án đề sinh-viên có thể tìm về nền văn-hóa cổ-truyền.

Nổi lời nhà học-giả Hồ-hữu-Tường, giáo sư Nguyễn đăng Thực đã đề cập đến « Phật-giáo với văn hóa Đại-học Văn-hóa » Giáo-sư đã nhắc lại lịch-sử Phật-giáo từ khi bắt đầu gia nhập vào Việt-nam. Từ đó theo thời-gian Phật-giáo đi vào văn-chương Việt-Nam rồi hòa hợp cùng với « tinh-thần Tổng-hợp Tam-giáo trở thành Quốc-học của nước ta ». Nhờ tinh-thần tổng-hợp đó mà dân-tộc ta, một dân-tộc nhỏ bé dưới thời Trần, đã đánh đuổi được quân-Nguyên,

Cũng theo lời giáo-sư, thì đấng ở vị-trí một dân-tộc nhỏ nằm giữa Á-châu rộng-lớn, Việt-Nam là kết-tinh của truyền-thống Á-châu cho nên Quốc-học Việt-Nam nếu không xây dựng trên tinh-thần truyền thống Á-châu thì không còn là Quốc-học nữa. Việt-Nam là kết-tinh của tinh-hoa truyền-thống Á-châu thời Lý Trần đã mất ngay từ thời Lê, Mạc sau khi Nho-giáo độc tôn.

Chính vì muốn xây dựng lại một Quốc-học, linh-hồn của dân-tộc Việt-Nam Đại-học Vạn-Hạnh đã thành-lập một phân-khoa Phật-học bên cạnh Phân-khoa Văn-học và Nhân-văn để trở thành một chủ-nghĩa Việt-Nam xây dựng nên truyền thống Tam-giáo do Thiên-tông Phật-giáo Việt-Nam phát huy gần hai ngàn năm qua.

Phật-tử Thủ-đô tận tình giúp đỡ 400 cô nhi tại Viện - Hóa - Đạo

Các Đoàn-thể Phật-tử tại Thủ-đô đã góp sức xây 3 dãy nhà rộng 400 thước vuông để dùng làm nơi cư trú cho 400 em cô-nhi, nạn-nhân-chiến-tranh, mới đưa từ miền Trung vào. Nơi ăn chốn ở của các em đang được sửa soạn gấp, quần áo của các em cũng đang được may sấm gấp. Đoàn Nữ-sinh Phật-tử Trung vương đã ngày đêm chia, toán đến mấy cắt cho các em sớm có đủ đồ dùng phục đề bận. Hàng ngày, phái đoàn của các đoàn-thể và chính-quyền đã đến viếng thăm, ủy-lạc các em và tặng nhiều số tiền và quà bánh.

Theo một nguồn tin thông thạo cho biết thì mỗi tháng Viện-Hóa-Đạo phải dự chi 200 000 \$ để nuôi 400 cô-nhi, nghĩa là tốn cho mỗi em 500 \$ một tháng, mà quỹ

của Viện rất eo hẹp nên Giáo-hội kêu gọi sự ủng hộ của đồng-bào Phật-tử trong và ngoài nước. Trong một buổi thuyết pháp tại V.H.Đ. Đại-đức Hộ-giác đã kêu gọi toàn thể Phật-tử nhìn ăn một buổi để giúp các em Cô-nhi ấy,

Về phương-diện y-tế thì đã có nhiều bác-sĩ hảo tâm và sinh-viên y-khoa Phật-tử tự nguyện đến săn sóc trông nom các em hằng-ngày. Nhưng có vấn đề quan-trọng khác là vấn đề giáo-dục của các em, Viện đã liên-lạc với Bộ Quốc-gia Giáo-dục đề giải-quyết thỏa đáng.

Hiện thời Viện đang chuẩn-bị việc tiếp đón và nuôi-dưỡng hàng trăm cô nhi khác cũng ở miền Trung sắp vào.

Tin về Hội-đồng Tôn-giáo

Hội-đồng Tôn-giáo thoát thai từ Ủy-ban Liên-lạc Tôn-giáo đã được cấp thời thành-lập sau biến-cố Hiến-chương Vũng-tàu 16-8-64 để dàn xếp những xung đột của tín-đồ các tôn-giáo do sự xui giục của những kẻ ác tâm muốn gây một cuộc thánh chiến giữa nhân-dân Việt-Nam để trục lợi nhưng bất thành. Nay các Hội-đồng Tôn-giáo này chẳng biết do ai chủ-trương lại dẫm chân lên vết xe của chế-độ cũ muốn chia rẽ Phật-giáo nên đã chấp nhận cái gọi là « Tổng Hội Phật-giáo Việt-Nam » do ông giáo Trần-văn-Hương khi làm thủ-tướng dưới thời cựu quốc-trưởng Phan-khắc-Sửu để ra đề phá hoại Phật-giáo.

Đề phản đối cái âm-mưu bất hảo đó. Thượng-tọa Thích Tâm-Châu, Viện-trưởng Viện-Hóa-Đạo, đã gửi một văn-thư như sau :

Viện - Trường Viện Hóa - Đạo
Kính gửi Quý Ngài Lãnh-đạo Tối-
cao các Tôn-giáo tại Việt-Nam
Cộng-hòa.

Trích-yếu: v/v Hội-đồng Tôn-giáo.

Kính thưa Quý Ngài,

Trước khi trình-bày một vài sự
việc có liên quan đến Hội-đồng
Tôn-giáo, thay mặt Giáo-hội Phật-
Giáo Việt-Nam Thống-nhất, tôi
trân-trọng kính gửi đến Quý Ngài
lời cầu chúc an lành.

Giáo-hội Phật-giáo Việt-Nam
Thống-nhất chúng tôi luôn luôn trung
thành với truyền thống Từ-bi, khoan
độ và đoàn-kết sẵn có của Phật-
giáo. Trong quá khứ mặc dù Giáo-
hội chúng tôi gặp nhiều khó khăn
thiệt thòi, nhưng chúng tôi vẫn luôn
luôn nhẫn-nhục và nêu cao ý chí đoàn
kết. Chúng tôi quan-niệm rằng chỉ
có một sự đoàn kết chơn thành
chúng ta mới mong giữ đúng vai trò
của tôn-giáo và góp phần lợi ích
hữu hiệu cho xứ sở đương phải
chịu muôn ngàn điều linh khổ sở.

Thể hiện tinh-thần đoàn kết ấy,
chúng tôi đã tự động tiếp xúc với
Ngài Tổng Giám-Mục Nguyễn-văn-
Biên, đi thăm các Giáo-hội Cao-
Đài, Hòa-Hảo v.v... để tiến tới
thành-lập Ủy ban liên lạc Tôn-giáo.

Hần Quý Ngài cũng đã rõ:
Ủy ban Liên-Lạc Tôn-Giáo ra
đời nhằm mục đích:

- 1) Là gây mầm thông cảm giữa
các Tôn-giáo
- 2) Đặt nền tảng cho sự đoàn-
kết Tôn-Giáo.
- 3) Cộng tác chân thành để đóng
góp sự lợi ích cho xứ sở
- 4) Góp phần xây dựng vào sự
thống-nhất nội bộ các Tôn-giáo

Ngày 10.5.1965, Viện tôi đã gửi
Ủy-Ban Liên-lạc Tôn-giáo một thư
văn đề-nghị: Ủy-ban Liên-lạc Tôn-

giáo không nên có nhiều thành
phần của một Tôn-giáo trong
Ủy-ban để tránh sự chia rẽ hoặc
khuyến khích chia rẽ nội bộ
các Tôn-giáo. Do đó sự hiện diện
của Tổng Giáo-hội Phật-Giáo Việt-
Nam, một tổ-chức được ra đời với
âm-mưu chia rẽ nội bộ Phật-Giáo
của Chính-phủ Trần-văn-Hương
hoàn-toàn không cần thiết.
Thư văn chúng tôi đã gửi đi không
được trả lời, thì Hội-đồng Tôn-
Giáo được ra đời với sự hiện diện
của Tổng Giáo-Hội Phật-Giáo V.N.

Với những lẽ trên, Giáo-hội
chúng tôi có quyền nghĩ rằng Hội-
đồng Tôn-giáo ra đời chỉ với âm
mưu chia rẽ Phật-Giáo Việt-Nam
một đạo giáo cổ-truyền đã hy-sinh
bao nhiêu sinh mạng để tự-tôn,
giữ-giữ tự-do tín-ngưỡng cho những
người muốn còn tín-ngưỡng — và
nếu không làm thì chỉ nhằm phục
vụ cho một mưu đồ thế-sự lỗi thời
không lợi ích cho ai cả.

Kính thưa quý ngài,

Đứng vào hoàn cảnh Quý Ngài,
Quý ngài nghĩ sao nếu Thiên-chúa
giáo, Cao-đài-giáo và Giáo-hội Hòa-
Hảo sẽ có nhiều tổ chức xin vào
trong một tổ chức được gọi là
Hội-đồng Tôn-giáo?

Vậy, chúng tôi kính thư này tới
Quý Ngài đề Quý Ngài nhận xét
và giải quyết, nếu không, Giáo-Hội
Phật-Giáo Việt-Nam Thống-nhất
chúng tôi buộc lòng, từ nay sẽ không
còn đại-diện trong Ủy-ban Liên-Lạc
Tôn-giáo và không liên-quan gì đến
Hội-Đồng Tôn-Giáo.

Nhưng, với đơn-vị của một Tôn-
giáo chúng tôi vẫn duy trì sự
liên-lạc mật thiết trực tiếp với
các Tôn-giáo bạn có cảm tình với
Giáo-hội chúng tôi.

Trân trọng kính chào Quý-Ngài

Kính

Thượng-Tọa THÍCH-TÂM-CHÂU

Giảng Đường Tỉnh-Hội Phật-Giáo Quảng-Trị bị ném Lưu-Dạ

3 giờ sáng 22-9-65, một quả lưu đạn M-26 đã ném vào giảng đường Tỉnh-hội Phật-giáo Quảng-trị gây thiệt hại nặng nề, may không có ai bị thương tích.

Đây cũng lại là một âm-mưu có tổ chức để khủng-bố và phá hoại Phật-giáo (Tháng trước đây, một quả lưu đạn tương tự đã ném vào Viện Hóa - Đạo) cho ta thấy rằng, những kẻ cò tâm tiêu diệt Phật-Giáo vẫn còn được nuôi dưỡng để chờ cơ hội là giết hại; khủng bố Phật-giáo.

Tiếp được hung tin trên, Thượng-tọa Chánh-Đại-diện miền Vạn-Hạnh đã gửi văn thư phản kháng cùng nhà cầm quyền và cho tổ chức các buổi lễ cầu an tại các chùa và trụ-sở Phật-giáo khắp các tỉnh thuộc Miền.

Sáng 26-9-65, trên 30.000 Phật tử thị-xê và phụ cận Quảng-trị đã dự cuộc mít-tin tại chùa Tỉnh Giáo-hội Quảng-trị sau đó biểu tình tuần-hành trên các đường phố lớn trong trật-tự im-lặng để phản đối vụ liệng lưu-dạ vào giảng đường Tỉnh Giáo-hội và sau khi đến Tỉnh-đường trao kiến-ngợi phản kháng việo trên cho đại-diện chính-quyền thì giải tán.

Kỷ-niệm Đại-Đức Thích Quảng-Hương:

Đề kỷ-niệm Đại-Đức Thích Quảng-Hương, vị Thánh-tăng thứ sáu, đã tự thiêu tại công-trường chợ Bến thành ngày 5/10/1963, để phản đối sự kỳ thị và đàn áp của quyền chế-độ Ngô-đình-Diệm đối với Phật-giáo; Viện Hóa-Đạo sẽ tổ-chức buổi lễ trọng đại tại chùa Già-lam (Saigon) để cầu nguyện giác-liành Đại-đức vào sáng 5/10/1965.

Đồng thời tại các Tỉnh Giáo-hội cũng tổ-chức các lễ tương-tự.

Hoạt động của Hội Phật giáo Nhật-bản

Đại-Đức Tổng Thư-Kỳ Tổng Hội Phật Giáo Nhật-Bồn có gửi văn-phòng Viện Hóa-Đạo 1 bản Thông-Điện của Thượng-Tọa Chủ-Tịch Hội Đồng Lãnh-Đạo Tổng-Hội Phật-Giáo Nhật-Bồn gửi các vị Lãnh-Tự Thế-giới tại các nước, kêu gọi Hòa-Bình cho Việt-Nam Cộng-Hòa-Việt-Hóa-Đạo Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống nhất do văn thư số 445-VT ngày 21/8/65, đã gửi phước thư cảm ơn Hội Phật-giáo Nhật-bồn.

Sau đây là nguyên văn bức Thông Điện của Vị Lãnh-Đạo Phật-Giáo Nhật-Bồn:

THÔNG ĐIỆN

Chúng tôi, Tổng Hội Phật-Giáo Nhật-Bản: tỏ lòng đau buồn trước sự chết chóc của những Phật-tử và của những người dân của nước Việt-Nam Cộng-Hòa đương tranh đấu để bảo vệ đời sống và tín ngưỡng của họ

Chúng tôi lo sợ sự tranh chấp này sẽ là ngòi lửa gây một trận chiến tranh rộng lớn và khủng khiếp cho nhân loại.

Chúng tôi, Hội-Đồng Lãnh-Đạo Tổng-Hội Phật-Giáo Nhật-Bản (Chi Nhánh của Hội Phật-Giáo Thế Giới) đại diện cho nhiều giáo phái Đại-thừa Phật-Giáo tại Nhật-Bản, đồng thanh quyết định tìm một giải pháp để chấm dứt chiến tranh bất hạnh và đem lại Hòa-Bình Thế-giới trường cửu trong ngày gần đây.

Làm tại Nhật-Bản, ngày 21-7-1965
Hội-Đồng Lãnh-Đạo Tổng-Hội Phật-Giáo Nhật-Bản
Tsukiji, Chuo-ku Tokyo Japan